

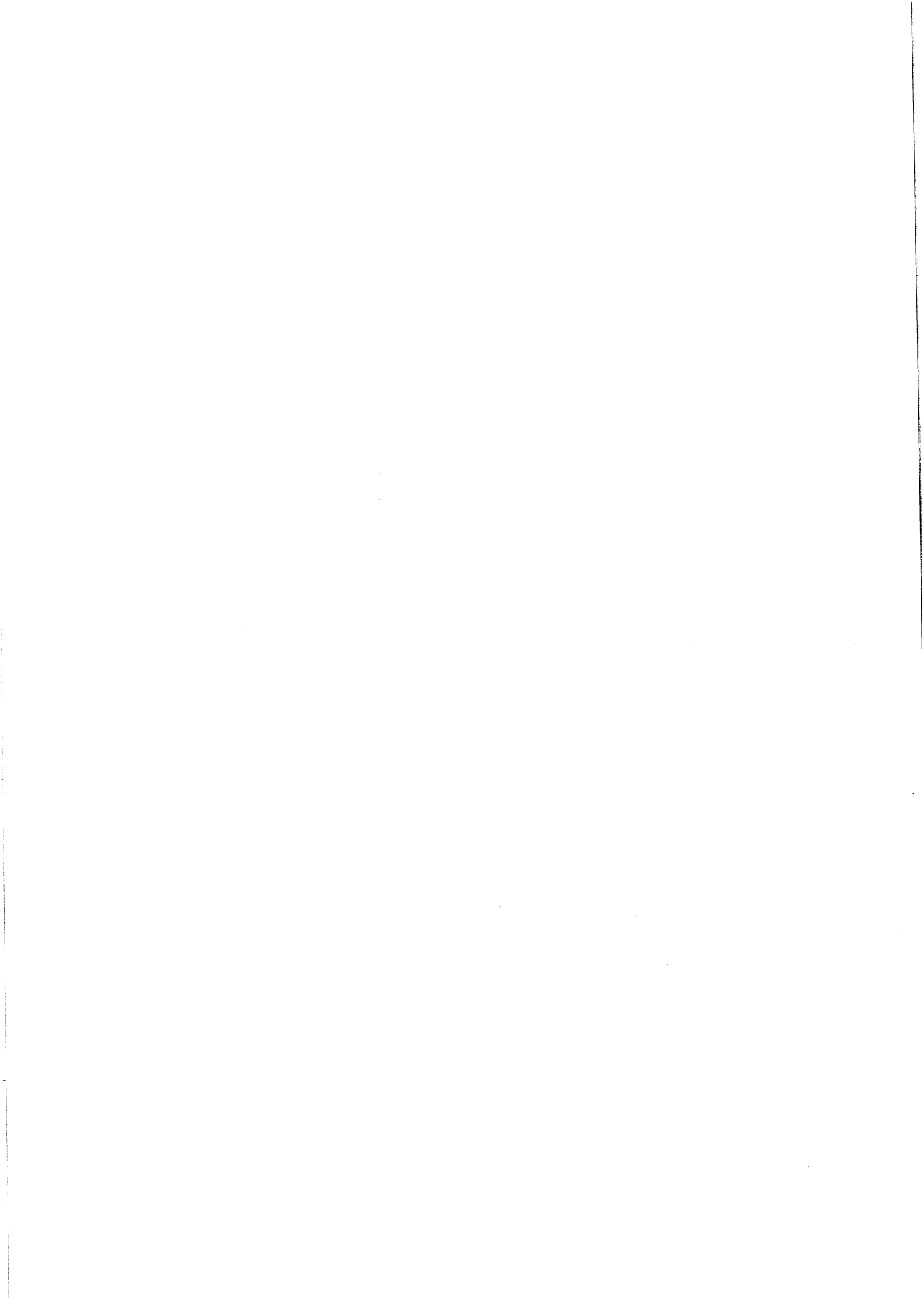
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TRƯỜNG THCS NGUYỄN VIỆT XUÂN

**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2023 – 2024**

HỌ TÊN HỌC SINH:.....

LỚP: 8A.....

Thủ Dầu Một, ngày 12 tháng 07 năm 2023



C. Doanh thu

D. Cả ba đáp án trên đều đúng

Câu 8: Địa chỉ tuyệt đối có đặc điểm?

- A. Thay đổi khi sao chép công thức
- B. Không thay đổi khi sao chép công thức

- C. Thay đổi theo từng phần mềm
- D. Đáp án khác

Câu 9: Để sao chép dữ liệu từ các tệp văn bản, trang trình chiếu sang tranh tính thì em sử dụng lệnh?

- A. Cut
- B. Paste

- C. Delete
- D. Copy

Câu 10: Ô E4 có công thức $E4 = C4 * D4$. Khi sao chép công thức từ ô E4 sang E5 thì công thức ô E5 sẽ là?

- A. $=C4/D5$
- B. $=C5 * D4$

- C. $=C5 * D5$
- D. $=C4 * D4$

Câu 11: Ô E4 có công thức $E4 = C4 * D4$. Nếu sao chép công thức từ ô E4 đến ô E7 thì công thức ô E7 sẽ là?

- A. $=C6 * D7$
- B. $=C5 * D6$

- C. $=E7 * D6$
- D. $=C7 * D7$

Câu 12: Chức năng sắp xếp và lọc dữ liệu có thể giải quyết những yêu cầu nào dưới đây?

- A. Sắp xếp các ô theo thứ tự bảng chữ cái
- B. Lựa chọn ô nào có dữ liệu khác nhau
- C. Tìm kiếm các ô thông tin dựa trên một số dữ liệu
- D. Cả ba đáp án trên đều đúng

Câu 13: Chọn lệnh nào để thực hiện sắp xếp các ô dữ liệu theo bảng chữ cái?

- A. Data
- B. Filter

- C. Sort
- D. Insert

Câu 14: Lệnh Sort nằm trong thẻ?

- A. Home
- B. Insert

- C. Data
- D. File

Câu 15: Khi muốn thêm một tiêu chí sắp xếp thì chọn ?

- A. Delete Level
- B. Copy Level

- C. Add Level
- D. Insert Level

Câu 16: Khi muốn cố định dòng tiêu đề trong bài toán sắp xếp thì em chọn?

- A. Delete Level
- B. Copy Level

- C. My data has headers
- D. Options

Câu 17: Chức năng lọc dữ liệu của phần mềm bảng tính được sử dụng để?

- A. Chọn các dòng thỏa mãn các điều kiện nào đó
- B. Chọn và chỉ hiển thị các dòng thỏa mãn các điều kiện nào đó
- C. Chọn và không hiển thị các dòng thỏa mãn các điều kiện nào đó
- D. Không hiển thị các dòng thỏa mãn các điều kiện nào đó

Câu 18: Để lọc dữ liệu thì ta chọn lệnh?

- A. Select All
- B. Filter

- C. Sort
- D. Data

Câu 19: Dữ liệu không đúng với điều kiện lọc sẽ?

- A. Được hiển thị
- B. Thay đổi

- C. Bị ẩn đi
- D. Bị xóa luôn

Câu 20: Biểu đồ được sử dụng để?

- A. Minh họa dữ liệu một cách trực quan

- B. Giúp em dễ dàng so sánh dữ liệu
- C. Dự đoán xu hướng tăng hay giảm của dữ liệu
- D. Cả ba đáp án trên đều đúng

Câu 21: Biểu đồ là?

- A. Các minh họa dữ liệu khách quan
- B. Cách minh họa dữ liệu trực quan
- C. Cách minh họa dữ liệu độc đáo
- D. Cách minh họa dữ liệu phức tạp

Câu 22: Tình huống nào dưới đây cần sử dụng biểu đồ?

- A. Khái niệm và chức năng của máy tính
- B. Lượng mưa ở Hà Nội trong năm 2022
- C. Đặc trưng của máy tính
- D. Đặc trưng của Hà Nội

Câu 23: Chọn lệnh nào để lập biểu đồ cột?

- A. Insert Pie
- B. Insert Column or Bar Chart
- C. Doughnut Chart
- D. Insert Line

Câu 24: Lệnh Insert Column or Bar Chart nằm trong thẻ?

- A. Data
- B. Home
- C. Insert
- D. File

Câu 25: Nếu cần so sánh tỉ lệ phần trăm số học sinh của mỗi nội dung Tin học trên tổng số học sinh được khảo sát, em sẽ dùng cách nào để thể hiện dữ liệu?

- A. Biểu đồ hình quạt tròn
- B. Biểu đồ đường thẳng
- C. Biểu đồ cột
- D. Đáp án khác

Câu 26: Phần mềm soạn thảo văn bản cung cấp mấy kiểu danh sách dạng liệt kê?

- A. Ba kiểu
- B. Bốn kiểu
- C. Năm kiểu
- D. Hai kiểu

Câu 27: Mỗi đơn vị trong danh sách dạng liệt kê là?

- A. Một đoạn văn bản
- B. Một dãy số
- C. Một văn bản
- D. Một bài tập làm văn

Câu 28: Mỗi đơn vị trong danh sách dạng liệt kê được tạo ra khi người dùng nhấn phím?

- A. Space
- B. Enter
- C. Tabs
- D. Shift

Câu 29: Trong danh sách dấu đầu dòng, mỗi đoạn văn bản bắt đầu bằng?

- A. Một kí tự đặc biệt
- B. Một chữ đầu dòng
- C. Một số đầu dòng
- D. Một dấu đầu dòng

Câu 30: Sử dụng danh sách dạng liệt kê giúp?

- A. Văn bản không rõ ràng, không thẩm mỹ
- B. Văn bản trở nên rõ ràng, thẩm mỹ hơn
- C. Văn bản không rõ ràng nhưng thẩm mỹ hơn
- D. Văn bản trở nên rõ ràng nhưng không thẩm mỹ.

Câu 31: Dạng liệt kê chia nhỏ các đoạn văn bản dài giúp người đọc có khả năng?

- A. Tham khảo thông tin một cách đa dạng
- B. Tham khảo thông tin chính xác
- C. Tham khảo thông tin nhanh chóng, dễ dàng
- D. Tham khảo thông tin một cách phức tạp

Câu 32: Em hãy chọn những phương án sai trong các phương án sau:

- A. Phần mềm soạn thảo văn bản cung cấp hai kiểu danh sách dạng liệt kê.
- B. Danh sách dạng liệt kê không tự động cập nhật khi thêm hoặc bớt đoạn văn.
- C. Chỉ có thể sử dụng một kiểu danh sách dạng liệt kê cho một văn bản.
- D. Có thể sử dụng kết hợp danh sách dấu đầu dòng và danh sách có thứ tự.

Câu 33: Em hãy chọn phương án sai trong các phương án sau:

- A. Có thể chèn hình ảnh vào văn bản để minh họa cho nội dung.



- B. Có thể vẽ hình đồ họa trong phần mềm soạn thảo văn bản.
- C. Có thể chèn thêm, xoá bỏ, thay đổi kích thước của hình ảnh và hình đồ họa trong văn bản.
- D. Không thể vẽ hình đồ họa trong phần mềm soạn thảo văn bản.

Câu 34: Công cụ xử lý hình ảnh giúp?

- A. Nâng cao hình thức biểu đạt
- B. Nâng cao số lượng sử dụng hình ảnh
- C. Nâng cao hiệu quả sử dụng hình ảnh
- D. Đáp án khác

Câu 35: Phần mềm soạn thảo văn bản cung cấp thư viện đa dạng các mẫu hình đồ họa, các chữ năng để?

- A. Chỉnh sửa hình ảnh
- B. Vẽ biểu đồ
- C. Vẽ hình đồ họa trong văn bản
- D. Đáp án khác

II. THỰC HÀNH: (3 điểm)

Đề tham khảo:

Cho bảng dữ liệu sau:

	A	B	C	D	E	F	G
1	BẢNG THU TIỀN ĐIỆN THÁNG 9 KHU PHỐ 7						
2				Đơn giá:	1000		
3	STT	HỘ GIA ĐÌNH	CS CŨ	CS MỚI	ĐIỆN TIÊU THỤ	TIỀN ĐIỆN	
4	1	Nguyễn Tuấn Kiệt	145	190			
5	2	Đỗ Hải Kiệt	216	321			
6	3	Nguyễn Hoàng Thiên Kim	38	89			
7	4	Chiêm Thị Hoàng Kim	432	510			
8	5	Lê Vũ Kỳ	516	639			
9	6	Mai Trúc Lam	76	151			
10	7	Nguyễn Hoàng Giang Lam	85	143			
11							
12	Tổng tiền điện:						
13	Trung bình cộng tiền điện:						
14	Điện tiêu thụ cao nhất:						
15	Điện tiêu thụ thấp nhất:						
16							

Câu 1: Nhập bảng dữ liệu như trên. Định dạng (phông chữ, cỡ chữ, màu sắc, kẻ bảng...)

Câu 2: Tính điện tiêu thụ = CS Mới – CS Cũ.

Câu 3: Tiền điện = Điện tiêu thụ * đơn giá.

Câu 4: Dùng hàm tính tổng tiền điện.

Câu 5: Dùng hàm tính trung bình cộng tiền điện.

Câu 6: Dùng hàm tính Điện tiêu thụ cao nhất.

Câu 7: Dùng hàm tính Điện tiêu thụ thấp nhất.

Câu 8: Sắp xếp theo 2 tiêu chí: cs cũ giảm dần, cs mới giảm dần.

Câu 9: Lọc hộ gia đình có điện tiêu thụ bằng 75.

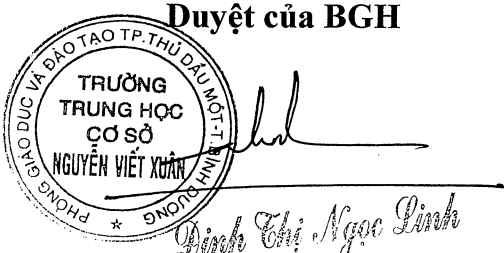
Câu 10: Vẽ biểu đồ cột, tròn, đoạn thẳng.

Ngày 29/11/2023

GVBM



Trần Ngọc Bảo Yên



NGUYEN VIET XUAN SECONDARY SCHOOL

REVISION FOR THE FIRST TERM TEST

ENGLISH 8(GLOBAL SUCCESS)

SCHOOL YEAR: 2023- 2024

Exercise 1. Find the word which has a different sound in the part underlined.

- | | | | |
|------------------|---------------|---------------|-----------------|
| 1. A. lantern | B. invader | C. nation | D. race |
| 2. A. carnival | B. command | C. ceremony | D. encourage |
| 3. A. tradition | B. question | C. procession | D. preservation |
| 4. A. performed | B. worshipped | C. prayed | D. offered |
| 5. A. pictures | B. watches | C. buses | D. brushes |
| 6. A. rest | B. different | C. ethnic | D. question |
| 7. A. crafts | B. stops | C. opens | D. months |
| 8. A. remote | B. explore | C. relax | D. diverse |
| 9. A. southern | B. south | C. synthetic | D. fourth |
| 10. A. equipment | B. upset | C. end | D. help |
| 11. A. join | B. noisy | C. point | D. tortoise |
| 12. A. good | B. book | C. cook | D. cool |
| 13. A. sticky | B. fairy | C. story | D. reply |
| 14. A. enjoy | B. harvest | C. revive | D. celebrate |
| 15. A. area | B. weave | C. feature | D. release |

Exercise 2. Find the word which has a different stress pattern from the others.

- | | | | |
|------------------|---------------|--------------|--------------|
| 1. A. possession | B. unhealthy | C. important | D. offering |
| 2. A. protection | B. computer | C. difficult | D. attention |
| 3. A. generous | B. confession | C. possible | D. excellent |
| 4. A. happen | B. journey | C. deny | D. country |
| 5. A. cattle | B. collect | C. worker | D. grassland |
| 6. A. people | B. paddy | C. peaceful | D. detest |
| 7. A. legend | B. station | C. beauty | D. event |
| 8. A. narration | B. festival | C. formation | D. specific |
| 9. A. celebrate | B. librarian | C. magician | D. tradition |
| 10. A. socialize | B. nomadic | C. scenery | D. organize |

Exercise 3. Give the correct form of the verb in brackets.

1. Bob dislikes (do) _____ puzzles because he has a limited vocabulary range.
2. Some students are into (surf) _____ the net to search information for their homework.

3. Hoang (make) _____ progress in his English. He speaks more fluently than he did last semester.
4. Huong decided (travel) _____ to the Northern Highlands this summer to learn more about ethnic groups.
5. - Why (Thang / feel) _____ unwell at the moment?
- Because he has used his smart phone for a long time.
6. Some students reduce their stress by (do) _____ origami.
7. During their visit to Ha Noi last summer, they (take) _____ some photos of Duong Lam.
8. While the truck driver (unload) _____ the fruit, the farmers are drying rice.
9. Whenever you (feel) _____ stressed, you should stop surfing the net and go to bed early.
10. If it (rain) _____ tomorrow, we (not go) _____ fishing.

Exercise 4. Choose the best answers.

1. The boys often help their parents to _____ water from the village well.
A. gather B. collect C. give D. find
2. In the Central Highlands, the biggest and tallest house in the village is the _____ house.
A. communication B. community C. communal D. commune
3. The Viet people have many _____ customs and crafts.
A. tradition B. traditional C. culture D. customary
4. On the side of the road, the boy is herding _____.
A. kites B. hay C. cattle D. blackberries
5. "Children in my village often fly their kites in dry rice fields." - " _____"
A. It's right up my street! B. That's awesome.
C. Exactly what I want. D. How interesting!
6. "My favourite leisure activity is people watching." - " _____"
A. That sounds so weird! B. That's all right.
C. OK. That's what you've chosen. D. Sure. It's very entertaining
7. "I find it hard to make a toy car." - "But _____"
A. my pleasure B. it's my fault. C. It sounds great! D. it's right up your street!
8. "I have just taken an elephant ride in Buon Don." - " _____ How interesting!"
A. Certainly. B. Really? C. Terrible. D. Exactly.
9. Allan would like to know something about the _____ groups of Viet Nam when he visited the Museum of Ethnology.
A. culture B. cultural C. cultured D. culturology
10. Gathering and hunting still play an important role in the _____ of the Laha.
A. economic B. economy C. economical D. economize

11. The crops _____ on the weather.
 A. depend heavy B. depend heavily C. affect heavy D. affect heavily
12. We are going to prepare _____ sticky rice served with grilled chicken for the celebration.
 A. five colours B. five-colours C. five colour D. five-coloured
13. According to the _____ in England, we have to use a knife and fork at dinner
 A. table ways B. table manners C. behaviours D. differences
14. In Australia, you shouldn't _____ on a person's accent.
 A. comment B. criticize C. hate D. dislike
15. It's Vietnamese tradition to _____ with families at Tet.
 A. back B. reunite C. relate D. bow
16. Language, religion, food and art are just some _____ of the various aspects of culture.
 A. features B. faces C. ways D. products
17. A custom is something that has become an _____ way of doing things.
 A. to be accept B. to accept C. accepting D. accepted
18. The Viet (or Kinh) have _____ largest number of people, accounting for about 86% of the population.
 A. x B. an C. the D. a
19. The terraced fields of Sa Pa have entered _____ the Top 11 most beautiful terraces in the world according to Touropia.
 A. in B. on C. at D. of
20. Ethnic peoples in the mountains have a simple way of farming. They use basic tools to _____ the farm work.
 A. check B. work C. make D. do
21. People _____ some far-away mountainous regions still keep their traditional way of life.
 A. on B. in C. of D. at
22. The _____ of *Quan Ho* singing has been recognised as a world heritage.
 A. preservation B. procession C. performance D. song
23. Tet is an occasion for family _____ in Viet Nam.
 A. visitings B. meetings C. reunions D. seeings
24. The Le Mat Festival _____ the founding of the village.
 A. worships B. commemorates C. performs D. preserves
25. People bum incense to show respect to their _____ during Tet.
 A. relatives B. ancestors C. friends D. neighbors
26. Young students are _____ of using tablets when studying online.

40. My father sometimes goes _____ in the forests. He'd like to find some more food for our family.

- A. hunt B. hunting C. to hunt D. hunted

41. Is living in the city _____ than living in the country?

- A. more convenient B. as convenient C. most convenient D. so convenient

42. The Mid-Autumn Festival is also known as Moon Festival _____ Harvest Moon Festival.

- A. but B. nor C. so D. and

43. The whole family _____ with tradition by spending the New Year's Eve abroad.

- A. went B. broke C. followed D. kept

44. I detest _____ so early in the morning.

- A. get up B. getting up C. gets up D. to get up

45. Both my brother and I help our parents _____ our family's goats. We feed them on the pastures by the edge of the village.

- A. herds B. herd C. herding D. to herding

46. Viet Nam is _____ multicultural country with 54 ethnic groups.

- A. a B. the C. x D. an

47. Among the _____, the Tay people have the largest population.

- A. groups B. ethnic minorities
C. ethnic culture D. majorities

48. My mother enjoys _____ traditional food for our family at Tet.

- A. to cooking B. cook C. cooking D. cooked

49. _____, Vietnamese children receive lucky money on Tet holiday.

- A. Tradition B. Traditional C. Traditionally D. Traditionalism

50. These villagers often gather in this _____ in special cultural events.

- A. flat B. villa C. resort D. communal house

Exercise 5. Find and correct a mistake in each sentence.

1. Do you help your uncle load rice onto the cart yesterday?

- A. Do B. help C. load D. rice

2. The Cham in Ninh Thuan raise sheeps and cows.

- A. The B. raise C. sheeps D. cows

3. How can you find wild animals like tigers and monkeys? - In the forest.

- A. How B. animals C. tigers D. monkeys

4. There is no modern transportation in remote areas, so much people have to travel on foot.

- A. modern transportation B. much

C. people

D. foot

5. People here often grow some crop like rice and corn.

A. People

B. crop

C. rice

D. corn

6. Many the Vietnamese go to temples or pagodas to pray for good luck.

A. Many

B. the

C. temples

D. good luck

Exercise 6. Choose the best answer to fill in each blank of the following passage.

Nowadays, with the high-speed Internet (1) _____, people can quickly update the (2) _____ news on the coming natural disasters in their neighborhood. For example, last year many flood victims in Da Nang were rescued from deep flooded areas (3) _____ to the short videos and images of where they got stuck they posted on social networks like Facebook or TikTok. In addition, the collaborative work on storm and flood prevention between departments goes (4) _____ because they can have video conferences to guide and evacuate locals from dangerous areas. In the future, the communication (5) _____ people and the rescue teams might be much more convenient when telepathy technology has a breakthrough.

1. A. connect

B. connecting

C. connection

D. connector

2. A. latest

B. last

C. later

D. late

3. A. despite

B. because

C. thank

D. thanks

4. A. smoothy

B. smoothly

C. smooth

D. smoother

5. A. by

B. with

C. between

D. from

Exercise 7. Read the text and decide whether the statements are True (T) or False (F).

Anyone who has seen the exquisite costumes worn by Vietnamese women will recognize similarities in the traditional dress of the male. There are many variations on the basic theme. At the top of the list is the elaborate dress of the emperor and the mandarins. Their rank was shown in the display of color in the brocade and embroideries. Gold brocade with embroidered dragons was for the emperor only. Gold is the national color and the dragon heads the fabulous mythical animal world. Purple is the color reserved for high-ranking court mandarins, while blue is for those of lower rank. Costumes worn for religious ceremonies also have their special colors. Dresses for ceremonial occasions usually have very wide and ample sleeves. Wedding dresses are similar to the popular fashions, and the color is usually purple or blue brocade. Dresses for mourning have frayed fringes or a line up the back and may be either black or white in color.

Statements	True (T)	False (F)
1. The Vietnamese traditional dress of men and women are somehow similar.		
2. The dress of mandarins is at the top of the list.		

→ Although _____

3. I love listening to country music.

→ I'm keen _____

4. You are advised not to wear shorts when going to pagodas.

→ You should not _____

5. No one in my family can speak English more fluently than my father.

→ My father can _____

6. He is interested in getting up early in the morning.

→ He enjoys _____

7. How much does the bronze statue cost?

→ What _____

8. This hotel is more spacious than that one.

→ That hotel _____

9. We will cancel the picnic. The weather will be really bad.

→ If _____

10. If we come home late, our parents will get angry.

→ We must _____

Exercise 11. Rewrite the following sentences based on the given words.

1. Linh's not fond of uploading our class photos to the forum. **(detests)**

2. People in the city seem to react more quickly to changes than those in the countryside. **(slowly)**

3. Although social media websites help teenagers find and discuss information much faster, it can be bad if it is overused. **(however)**

4. Some students fancy riding bicycles around the lake in their free time. **(keen)**

5. We won't celebrate the festival. It will cost too much money. **(if)**

6. Most people book flight tickets in advance. They cannot return home for Tet. **(otherwise)**

7. Children like Tet because it's a long holiday. They can also receive lucky money. **(moreover)**

8. Parents now have higher expectations of their children, so children are under more pressure than

before. (therefore)

9. This website can give US a variety of ways to deal with stress. (provide)

10. The ancient pagoda in this area is a very popular tourist destination. (famous)

Exercise 12. Write the questions to the underlined words/ phrases.

1. City children play less freely on the streets because of crowded traffic.

2. The communal house is a place where villagers gather for festivals and rituals.

3. Several weeks before the New Year, the Vietnamese clean their houses, paint the wall, and buy clothes.

4. I'm interested in folding an origami bird.

5. Parents should teach their children to be careful when posting pictures on social media.

6. Family parties help to strengthen the bonds among members.

7. Minh is learning to weave bamboo baskets.

8. Children in the countryside often spend their free time herding the cattle.

9. Some students are surfing the Net to search information for their homework.

10. Playing badminton is the most popular leisure activity in this school.

WRITING

1. Think about your best friend and his/ her leisure activities. Then write a short paragraph of about 80 words about his/ her favorite leisure activity.

2. Write a short paragraph (80- 100 words) describing the rural village/ town you live in have visited.

3. Write a paragraph of about 80 -100 words about how your classmates should deal with stress.

4. Write a paragraph (80-100 words) about a festival in Viet Nam you have ever taken part in. You should base on the suggestions below:

- What is the name of the festival?
- Why do people celebrate it?
- How often is it held?
- Where is it held?
- What are the activities during the festival?
- What do you think about the festival?

5. Write a paragraph (80-100 words) about the things you do to help your family.

6. Write an email (80 - 100 words) to your friend about the impacts of modern technology on lifestyles.

You can base on some suggestions below:

- What is technology?
- What are some positive impacts?
- What are some negative impacts?
- What have you done to make use of modern technology?

TOPICS & QUESTIONS FOR ORAL TEST

1. LEISURE TIME

1. What do you enjoy doing in your leisure time?
2. What is your favourite leisure activity?
3. Why do you enjoy it?
4. Who do you share it with? Do you prefer indoor or outdoor leisure activities?

2. LIFE IN THE COUNTRYSIDE

1. Have you ever been to the countryside?
2. What do the farmers often do in a day?
3. Can you tell me some things you like about living in the countryside?
4. What are some changes about life in the countryside?

3. TEENAGERS

1. Do teenagers have more stressful lives than previous generations?
2. Have you ever been stressed? What is your problem?
3. What should you do to reduce stress?
4. Is it necessary to have skills for teenagers, which skills do you have?

4. ETHNIC GROUPS OF VIETNAM

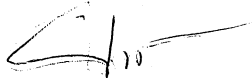
1. How many ethnic groups are there in Viet Nam?
2. Which ethnic groups has the largest population?
3. What do most ethnic peoples in Viet Nam live on?
4. What is the most important festival in Viet Nam?

5. OUR CUSTOMS AND TRADITIONS

1. What is your family's custom/ tradition?
2. How do you feel when you take part in this custom/ tradition?
3. Why is it important to continue family custom?
4. Can you tell me some of other customs / traditions you know?

6. LIFESTYLES

1. What is lifestyle and give examples?
2. Which is probably the most common way of greeting around the world? (Shaking hands or sticking out one's tongues)
3. Is modern technology changing our lifestyle? Why? Why not?
4. Give some interesting lifestyles around the world.



Lê Hà Ngọc Lôi

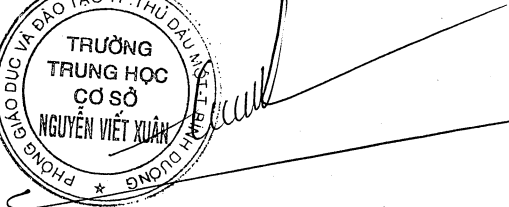


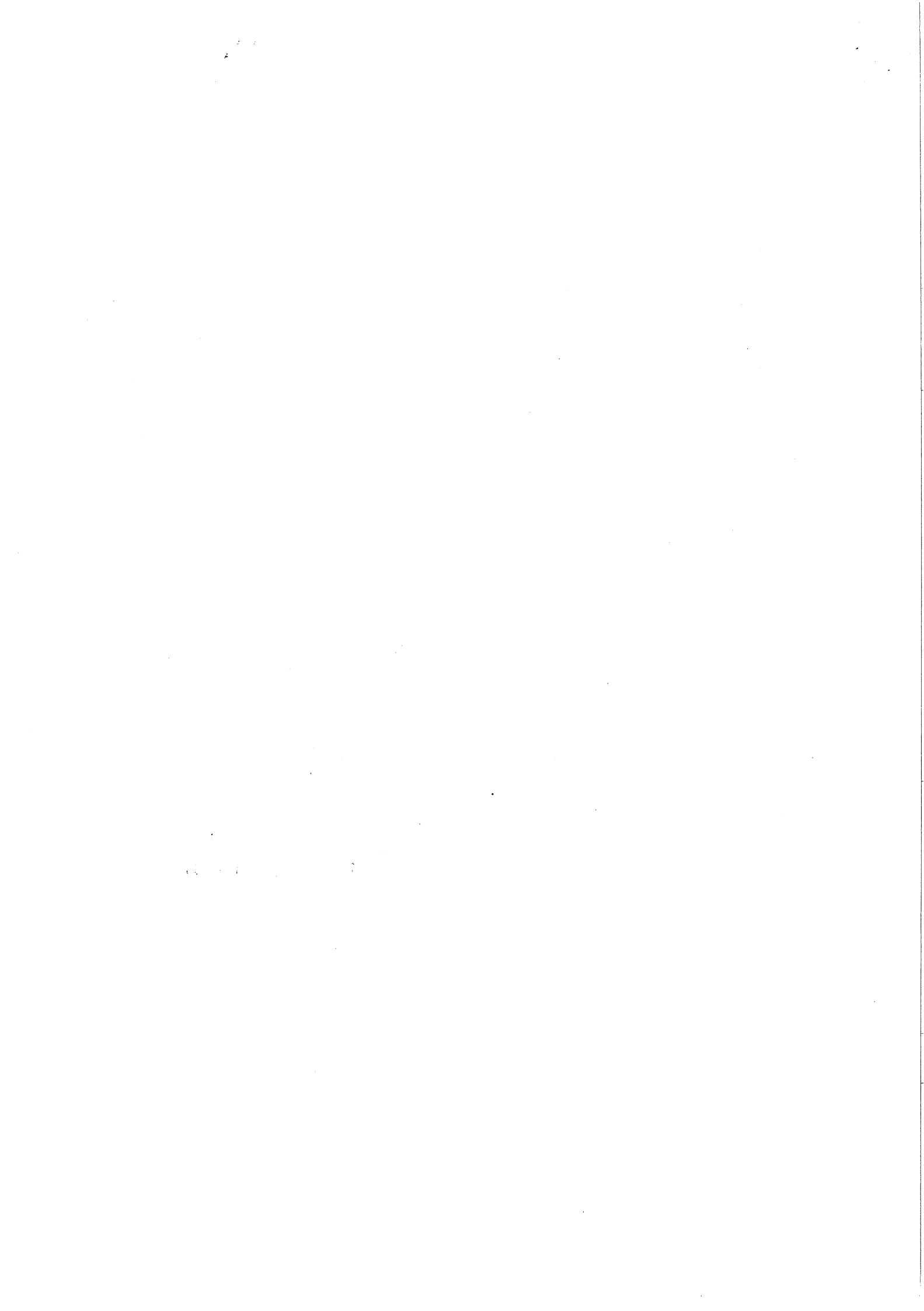
Nguyễn Huyền Kỳ

Duyệt ngày 2/12/2023

DHH




Nguyễn Thị Miền



ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI HKI-NĂM HỌC 2023-2024

Môn: Lịch sử và Địa lý 8

I. NỘI DUNG ÔN TẬP

Phân môn Lịch sử	{	Bài 8. Phong trào Tây Sơn
		Bài 10. Công xã Pa-ri (năm 1871)
Phân môn Địa lý	{	Bài 4. Đặc điểm chung của tài nguyên khoáng sản, sử dụng hợp lý TNKS
		Bài 6. Đặc điểm khí hậu
		Bài 8. Đặc điểm thủy văn

II. MỘT SỐ CÂU HỎI GỢI Ý THAM KHẢO

PHÂN MÔN LỊCH SỬ

1. Phong trào Tây Sơn

a. Nguyên nhân bùng nổ phong trào Tây Sơn

- Từ giữa thế kỉ XVIII, chính quyền họ Nguyễn ở Đàng Trong suy yếu, quan lại nhũng nhiễu, đời sống nhân dân khổ cực, mâu thuẫn giữa nhân dân với chính quyền chúa Nguyễn ở Đàng Trong ngày càng sâu sắc.

→ Nhiều cuộc khởi nghĩa nổ ra, đỉnh cao là phong trào Tây Sơn cuối thế kỉ XVIII do 3 anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ, Nguyễn Lữ lãnh đạo.

b. Vai trò của Nguyễn Huệ - Quang Trung đối với phong trào Tây Sơn

- Lãnh đạo phong trào Tây Sơn, lật đổ các chính quyền phong kiến Nguyễn, Trịnh, Lê; xóa bỏ tình trạng chia cắt đất nước, đặt cơ sở cho sự nghiệp thống nhất đất nước.

- Chỉ huy hai cuộc kháng chiến chống quân xâm lược (Xiêm, Thanh) bảo vệ vững chắc nền độc lập dân tộc.

- Là một nhà quân sự tài giỏi.

c. Bài học được rút ra từ phong trào Tây Sơn là gì?

- Phải luôn đề phòng mọi âm mưu của kẻ thù. Phát huy tinh thần đoàn kết, lòng yêu nước của toàn dân. Luôn trọng dụng người tài, biết nắm bắt thời cơ, biết tận dụng lợi thế của đất nước, ...

2. Công xã Pa-ri năm 1871

- Sau khi chính quyền Na-pô-lê-ông III bị lật đổ, Chính phủ Vệ quốc của giai cấp tư sản được thành lập.

- Ngày 18-3-1871, nhân dân Pa-ri nổi dậy khởi nghĩa chống lại chính phủ Vệ quốc dưới sự lãnh đạo của Ủy ban trung ương Quốc dân quân.

- Ngày 26-3-1871, Hội đồng Công xã Pa-ri được thành lập, nhiều chính sách tiến bộ được ban hành.

- Các chính sách của Công xã Pa-ri nhằm phục vụ quyền lợi cho nhân dân lao động.

3. Ý nghĩa Công xã Pa-ri

- Công xã Pa-ri có ý nghĩa vô cùng lớn, bởi đây là cuộc cách mạng vô sản đầu tiên trên thế giới, đã xóa bỏ được giai cấp tư sản và thiết lập chính quyền của giai cấp vô sản.

- Cổ vũ nhân dân lao động toàn thế giới và để lại nhiều bài học quý giá cho phong trào đấu tranh của giai cấp vô sản về sau.

PHÂN MÔN ĐỊA LÝ

Câu 1. Trình bày những đặc điểm chung của tài nguyên khoáng sản nước ta.

- Tài nguyên khoáng sản nước ta khá phong phú và đa dạng:

+ Nước ta đã xác định được trên 5.000 mỏ và điểm quặng của hơn 60 loại khoáng sản khác nhau.

+ Ở Việt Nam có đủ các nhóm khoáng sản, như: khoáng sản năng lượng (than đá, dầu mỏ, khí tự nhiên...), khoáng sản kim loại (sắt, đồng, bô-xit, man-gan, đất hiếm...) và phi kim loại (a-pa-tit, đá vôi...).

- Phần lớn các mỏ có quy mô trung bình và nhỏ:

+ Phần lớn các mỏ khoáng sản ở nước ta có trữ lượng trung bình và nhỏ.

+ Một số loại khoáng sản có trữ lượng lớn, như: dầu mỏ, bô-xit, đất hiếm, titan....

- Khoáng sản phân bố tương đối rộng: tài nguyên khoáng sản ở nước ta phân bố tương đối rộng khắp trong cả nước:

+ Dầu mỏ và khí tự nhiên được tích tụ trong các bể trầm tích ở vùng thềm lục địa.

+ Than đá tập trung ở vùng Đông Bắc.

+ Than nâu có nhiều ở đồng bằng sông Hồng.

+ Titan phân bố chủ yếu ở vùng Duyên hải miền Trung.

+ Bô-xit phân bố chủ yếu ở Tây Nguyên....

Câu 2. Chứng minh rằng khí hậu nước ta có tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa.

- Tính chất nhiệt đới:

+ Lượng bức xạ tổng cộng của nước ta lớn.

+ Nhiệt độ trung bình năm trên 20⁰C (trừ vùng núi cao) và tăng dần từ Bắc vào Nam.

+ Số giờ nắng trong năm cao, đạt từ 1400 - 3000 giờ/ năm.

- Tính chất ẩm:

+ Lượng mưa trung bình năm lớn: từ 1500 - 2000 mm/năm.

+ Độ ẩm không khí cao, trên 80%.

- Tính chất gió mùa:

+ Việt Nam nằm trong vùng nội chí tuyến bán cầu Bắc, nên có gió Tín Phong bán cầu Bắc hoạt động quanh năm.

+ Khí hậu Việt Nam còn chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của các khối khí hoạt động theo mùa với hai mùa gió chính: gió mùa mùa đông và gió mùa mùa hạ.

Câu 3: Nguyên nhân nào làm cho sông ngòi bị ô nhiễm? Bản thân em sẽ làm gì để góp phần bảo vệ sự trong sạch của các dòng sông ở nước ta? Kể tên một số sông lớn ở nước ta và ở Bình Dương.

* Nguyên nhân nào làm cho sông ngòi bị ô nhiễm:

- Diện tích rừng giảm.

- Chất thải từ sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ, sinh hoạt...

- Đánh bắt thủy sản bằng hoá chất, điện.

* Bản thân em sẽ làm gì để góp phần bảo vệ sự trong sạch của các dòng sông ở nước ta?

* Một sông lớn ở nước ta, ở Bình Dương.

+ Sông lớn ở nước ta:

+ Sông lớn ở Bình Dương:



--- Hết ---

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I - MÔN GDCD 8
Năm học 2023 – 2024

A. NỘI DUNG ÔN TẬP

Bài 4: Bảo vệ lễ phải

Bài 5: Bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên

B. MỘT SỐ CÂU HỎI THAM KHẢO

1. Bảo vệ lễ phải là:

- Tôn trọng, giữ gìn, tuân theo những điều đúng đắn.
- Dũng cảm đấu tranh chống lại cái sai, cái ác.

2. Cách rèn luyện- Nêu việc làm cho mỗi ý

- Khích lệ, động viên bạn bè biết bảo vệ điều đúng đắn

.....
- Lên án, phê phán những hành vi sai trái

.....
- Biết điều chỉnh suy nghĩ, hành vi của mình theo hướng tích cực.

.....
- Tôn trọng, ủng hộ, tuân theo những điều đúng đắn.

.....
3. Môi trường là gì? Là các yếu tố tự nhiên và nhân tạo bao quanh con người, ảnh hưởng đến sự tồn tại và phát triển của con người và mọi vật

4. Tài nguyên thiên nhiên là gì? Lấy ví dụ

- Là những của cải có sẵn trong tự nhiên mà con người có thể khai thác, chế biến, sử dụng phục vụ cuộc sống.

.....
5. Biện pháp bảo vệ môi trường - Tài nguyên thiên nhiên - Nêu việc làm cụ thể của bản thân

+ Nâng cao ý thức của người dân.

.....
+ Khai thác, sử dụng hợp lý và tiết kiệm nguồn tài nguyên thiên nhiên.

.....
+ Tuyên truyền, vận động mọi người tuân thủ quy định của pháp luật trong việc bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên.

.....
6. Xử lý tình huống: Trên đường đi học về, bạn T vô tình chứng kiến cảnh bạn M đang bị nhóm của bạn K đe dọa. Thấy bạn T đi đến, bạn K cảnh cáo rằng: “Nếu không

muốn bị đòn thì phải giữ im lặng”. Vì sợ bị liên lụy nên bạn T đã từ chối khi bạn M yêu cầu làm chứng để tố cáo nhóm của bạn K với giáo viên chủ nhiệm.

- Em có đồng tình với hành động của bạn T không? Vì sao?

- Nếu là bạn T, em sẽ làm gì?

7. Nếu ai đó nói xấu sau lưng, chê bai ngoại hình, năng lực của em, em sẽ làm gì?

8. Xử lý tình huống: Khu phố nhà anh K, một số người dân vẫn cố tình đổ rác ở bãi đất trống mặc dù có bảng cấm đổ rác. Không những thế, có nhiều hộ dân trong khu phố thường hát karaoke với âm lượng lớn suốt đêm. Có lần, bố anh K sang để nói chuyện với họ về vấn đề này nhưng không có kết quả. Thậm chí, có người còn bảo làm gì trong nhà là quyền của họ.

- Em có nhận xét gì về việc làm của một số hộ dân trong khu phố anh K?

--- Hết ---

Duyệt ngày 2/12/2023

P/H



Nguyễn Thị Miền

A. CÔNG THỨC TÍNH TOÁN

Tên đại lượng	Kí hiệu	Đơn vị	Công thức tính
Số mol	n	mol	$n = \frac{m}{M}$; $n = \frac{V}{24,79}$
Khối lượng chất	m	gam (g)	$m = n \cdot M$
Thể tích chất khí (đkc)	V	lít (L)	$V = n \cdot 24,79$
Tỉ khối chất khí	d		$d_{A/B} = \frac{M_A}{M_B}$; $d_{A/KK} = \frac{M_A}{29}$
Nồng độ phần trăm	C%	%	$C\% = \frac{mct}{mdd} \cdot 100\%$
Nồng độ mol	C_M	mol/L	$C_M = \frac{nct}{Vdd}$
Độ tan S	S	g/100g nước	$S = \frac{mct}{m\text{ nước}} \cdot 100$
Khối lượng riêng	D	kg/m ³ g/cm ³ g/mL	$D = \frac{m}{V}$ (Đổi đơn vị: (1 kg/m ³ = 0,001g/cm ³))
Áp suất	p	N/m ² Pa	$p = \frac{F}{S}$
Lực đẩy Archimedes	F_A	N	$F_A = d \cdot V$

B. LÝ THUYẾT TRỌNG TÂM

Câu 1: Em hãy nêu các quy tắc sử dụng hóa chất an toàn trong phòng thí nghiệm?

- **Quy tắc sử dụng hóa chất an toàn trong phòng thí nghiệm:**
 - Không sử dụng hóa chất trong đồ chứa không có nhãn hoặc nhãn mờ, mất chữ
 - Thực hiện thí nghiệm cẩn thận, không dùng tay trực tiếp lấy hóa chất
 - Khi bị hóa chất dính vào người hoặc bị đổ cần báo với giáo viên để được hướng dẫn xử lý
 - Hóa chất dùng còn thừa, không được đổ trở lại bình chứa mà cần được xử lý theo hướng dẫn của giáo viên.

Câu 2: Phản ứng hóa học là gì? Dấu hiệu để nhận biết có phản ứng hóa học xảy ra?

- Quá trình biến đổi chất này thành chất khác được gọi là phản ứng hóa học
- Dấu hiệu để nhận biết có phản ứng hóa học xảy ra:
 - Có chất mới tạo thành
 - Thay đổi về màu sắc
 - Xuất hiện kết tủa
 - Có tỏa nhiệt và phát sáng

Câu 3: Phát biểu định luật bảo toàn khối lượng. Em hãy nêu bản chất của phản ứng hóa học.

- **Định luật:** Trong một phản ứng hóa học, tổng khối lượng của các chất sản phẩm bằng tổng khối lượng của các chất tham gia phản ứng.
- **Bản chất của phản ứng hóa học.**
 - Sự thay đổi liên kết giữa các nguyên tử.
 - Số nguyên tử của mỗi nguyên tố giữ nguyên
 - Khối lượng giữa các nguyên tử không đổi, vì vậy tổng khối lượng của các chất tham gia phản ứng bằng tổng khối lượng của các sản phẩm.

Câu 4: Giải thích tại sao cần phải bón phân theo bốn quy tắc: “đúng liều, đúng loại, đúng lúc, đúng nơi”. Việc lạm dụng phân hóa học có tác hại đến đời sống như thế nào?

- **Tại vì:**
 - **Đúng liều:** Không bón thiếu, không bón thừa, thường xuyên theo dõi quá trình phát triển của cây trồng, đất đai, biến đổi thời tiết để điều chỉnh lượng phân bón cho phù hợp.
 - **Đúng loại:** Cần căn cứ vào nhu cầu dinh dưỡng của cây trồng trong từng giai đoạn sinh trưởng, từng loại đất để lựa chọn loại phân bón phù hợp.
 - **Đúng lúc:** Cần chia ra nhiều lần bón và đúng thời điểm cây đang có nhu cầu được cung cấp dinh dưỡng.
 - **Đúng nơi:** Để hạn chế phân bị rửa trôi, phân hủy hoặc làm cây trồng bị tổn thương.
- **Tác hại của việc lạm dụng phân hóa học đến đời sống:**
 - Ô nhiễm đất đai
 - Ô nhiễm nguồn nước

- Ô nhiễm không khí
- Ảnh hưởng đến đa dạng sinh học
- Tác động đến sức khỏe con người.

Câu 5: a) Em hãy tìm ví dụ và mô tả hiện tượng trong thực tế về sự tạo thành tiếng động trong tai khi thay đổi áp suất đột ngột

b) Một số ứng dụng về áp suất không khí trong đời sống là giác mút. Em hãy giải thích hoạt động của giác mút.

a)

Ví dụ 1: Khi thang máy đi lên hoặc đi xuống đều gây nên triệu chứng ù tai vì áp suất thay đổi đột ngột thì vòi tai thường không phản ứng kịp làm mất cân bằng áp suất hai bên màng nhĩ, khiến màng nhĩ bị đẩy về phía có áp suất nhỏ hơn, gây nên triệu chứng ù tai.

Ví dụ 2: Khi đi xe ô tô hoặc xe máy khi phóng nhanh sẽ gây nên tiếng động trong tai vì áp suất thay đổi đột ngột thì vòi tai thường không phản ứng kịp làm mất cân bằng áp suất hai bên màng nhĩ, khiến màng nhĩ bị đẩy về phía có áp suất nhỏ hơn, gây nên tiếng động trong tai.

b) Hoạt động của giác mút: Khi ấn phễu của giác mút sát vào mặt kính hoặc tường phẳng làm cho áp suất không khí còn lại bên trong giác mút nhỏ hơn áp suất khí quyển bên ngoài và nhờ có lực ma sát cũng đóng vai trò giữ cho giác mút không bị trượt khỏi bề mặt của vật, giúp giác mút bám chắc vào kính hoặc tường.

Câu 6: Nêu định luật Archimedes. Viết công thức tính độ lớn của lực đẩy Archimedes, cho biết tên và đơn vị từng đại lượng trong công thức.

- Một vật đặt trong chất lỏng chịu tác dụng một lực đẩy hướng thẳng đứng từ dưới lên trên.
- Độ lớn lực đẩy Archimedes tính bằng công thức:

$$F_A = d.V$$

Trong đó: d là trọng lượng riêng của chất lỏng.

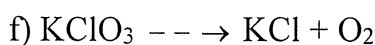
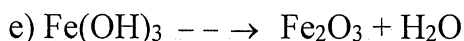
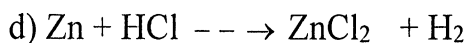
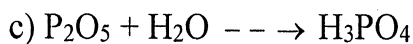
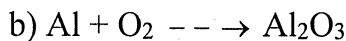
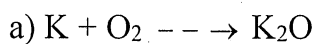
V là thể tích chất lỏng bị vật chiếm chỗ

Câu 7: Moment lực là gì?

- Tác dụng làm quay của lực lên một vật quanh một điểm hoặc một trục được đặc trưng bằng moment lực.

C. BÀI TẬP THAM KHẢO:

Bài 1. Cho các sơ đồ phản ứng sau:



Hãy lập phương trình hóa học và cho biết tỉ lệ số nguyên tử, số phân tử của các chất trong mỗi phản ứng

Bài 2. Cho các phân tử acid sau: HCl, HNO₃, HBr, H₃PO₄, H₂SO₄, H₂S. Em hãy phân loại các acid trên?

Bài 3.

- Hãy cho biết 0,5 mol H₂O ở đkc (25⁰C, 1bar) có thể tích là bao nhiêu lít?
- Cho biết 0,25 mol CO₂ có khối lượng là bao nhiêu?
- Cho 4,958 lít khí SO₂ ở đkc (25⁰C, 1bar) có số mol là bao nhiêu?

Bài 4. Hòa tan hoàn toàn 5,6 gam iron (Fe) trong dung dịch hydrochloric acid (HCl) dư, thu được muối iron (II) chloride (FeCl₂) và khí hydrogen.

- Tính khối lượng muối iron (II) chloride thu được.
- Tính thể tích khí hydrogen thu được ở điều kiện chuẩn.

Bài 5. Gọi tên các muối sau: AlCl₃, KCl, MgSO₄, Al₂(SO₄)₃, K₂SO₄, Na₂CO₃.

Bài 6: Một hộp sữa ông Thọ có khối lượng 380g và có thể tích 320 cm³. Hãy tính khối lượng riêng của sữa trong hộp theo đơn vị kg/m³.

Bài 7: Một xe tang có trọng lượng 350 000N. Tính áp suất của xe tăng lên mặt đường nằm ngang, biết rằng diện tích tiếp xúc của các bản xích với mặt đường là 1,5 m².

(Cho biết Cl = 35,5; O =16; Fe = 56; H =1; C =12)

BGH duyệt



Dinh Thị Ngọc Linh

TTCM

Bùi Thị Quyên

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KỲ I TOÁN 8

NĂM HỌC 2023-2024

PHẦN 1: LÝ THUYẾT

- + Cộng, trừ, nhân, chia đơn thức, đa thức.
- + Các hằng đẳng thức đáng nhớ.
- + Quy tắc dấu ngoặc, Quy tắc chuyển vế.
- + Phân loại được số liệu rời rạc, liên tục; biểu diễn số liệu bằng bảng, biểu đồ và phân tích số liệu có trong biểu đồ.
- + Nắm được khái niệm, tính chất, dấu hiệu nhận biết các hình : hình thang cân, hình bình hành, hình chữ nhật, hình thoi, hình vuông.
- + Hiểu và vận dụng để tính số đo các góc của tứ giác, của hình thang cân, hình bình hành, hình thoi, hình vuông.
- + Nhận biết được đường trung bình của tam giác, vận dụng định lí Thales, tính chất đường trung bình của tam giác, tính chất đường phân giác của tam giác để giải các bài tập.

PHẦN 2: TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Kết quả của phép tính $2x^2(x - 3y - 1)$ là

- A. $2x^3 - 6xy - 2x^2$. B. $2x^3 + 6x^2y - 2x^2$.
C. $2x^3 - 6x^2y - 2x^2$. D. $2x^3 - 6x^2y + 2x^2$.

Câu 2. Đơn thức đồng dạng với đơn thức $2y^3$ là

- A. $-y^2$. B. $3y^3$. C. $-3y$. D. y^6 .

Câu 3. Thương của phép chia $(12x^4y + 4x^3 + 8x^2y^2) : (4x^2)$ bằng

- A. $3x^2y + x + 2y^2$. B. $3x^4y + x^3 - 2x^2y^2$.
C. $-12x^2y + 4x - 2y^2$. D. $3x^2y - x + 2y^2$.

Câu 4: Biết $3x + 2(5 - x) = 0$, giá trị của x là

- A. -8 B. -9 C. -10 D. -2

Câu 5: Tích của đa thức: $4x^5 + 7x^2$ và đơn thức $-3x^3$ là

- A. $12x^8 + 21x^5$ B. $-12x^8 + 21x^5$ C. $12x^8 - 21x^5$ D. $-12x^8 - 21x^5$

Câu 6: Tích của các đơn thức $7x^2y^7$; $(-3)x^3y$ và (-2) là:

- A. $42x^5y^7$ B. $42x^6y^8$ C. $-42x^5y^7$ D. $42x^5y^8$

Câu 7: Đơn thức nào đồng dạng với đơn thức sau: $4x(0,75)x^2y^2$

A. $3x^2y^2$

B. $\frac{-1}{2}x^3y^2$

C. $3,75x^2y^3$

D. $\frac{1}{2}x^4y^2$

Câu 8: Phân tích đa thức $x^2 + 6x + 9 - y^2$ thành nhân tử được kết quả là:

A. $(x + 3 - y)(x + 3 + y)$

B. $(x - 3 - y)(x - 3 + y)$

C. $(x - 3 - y)(x + 3 + y)$

D. $(x + 3 + y)(x + 3 + y)$

Câu 9: Phân tích đa thức $4x^2 - 9y^2 + 4x - 6y$ thành nhân tử ta được :

A. $(2x - 3y)(2x + 3y - 2)$

B. $(2x + 3y)(2x - 3y - 2)$

C. $(2x - 3y)(2x + 3y + 2)$

D. $(2x + 3y)(2x - 3y + 2)$

Câu 10: Đa thức $4x(2y - z) + 7y(z - 2y)$ được phân tích thành nhân tử là:

A. $(2y - z)(4x - 7y)$

B. $(2y - z)(4x + 7y)$

C. $(2y + z)(4x - 7y)$

D. $(2y + z)(4x + 7y)$

Câu 11: Đa thức $x^2 - 9x + 8$ được phân tích thành tích của hai đa thức

A. $x - 1$ và $x + 8$

B. $x - 1$ và $x - 8$

C. $x - 2$ và $x - 4$

D. $x - 2$ và $x + 4$

Câu 12: Chọn câu đúng

A. $x^3 - 4x^2 - 9x + 36 = (x + 3)(x - 2)(x + 2)$

B. $x^3 - 4x^2 - 9x + 36 = (x - 3)(x + 3)(x - 4)$

C. $x^3 - 4x^2 - 9x + 36 = (x - 9)(x - 2)(x + 2)$

D. $x^3 - 4x^2 - 9x + 36 = (x - 3)(x + 3)(x - 2)$

Câu 13: Phân tích đa thức $5x^2 + 10xy - 4x - 8y$ thành nhân tử:

A. $(5x - 2y)(x + 4y)$

B. $(5x + 4)(x - 2y)$

C. $(x + 2y)(5x - 4)$

D. $(5x - 4)(x - 2y)$

Câu 14: Kết quả phân tích đa thức $6x^2y - 12xy^2$ là:

A. $MN = \frac{1}{2}AC$

B. $BC = \frac{1}{2}IK$

C. $MN > IK$

D. $MN = IK$

Câu 23: Dữ liệu nào sau đây là số liệu liên tục?

- A. Dữ liệu về chiều cao của các học sinh tổ 1 của lớp.
- B. Dữ liệu về số lượng chữ cái trong tên của các học sinh tổ 1 của lớp.
- C. Dữ liệu về tên các môn học mà bạn An yêu thích.
- D. Dữ liệu về các môn thể thao mà bạn An tham gia.

Câu 24: Để biểu diễn sự thay đổi của một đại lượng theo thời gian ta dùng biểu đồ nào sau đây:

- A. Biểu đồ cột kép
- B. Biểu đồ đoạn thẳng
- C. Biểu đồ quạt tròn
- D. Biểu đồ tranh

Câu 25: Để biểu diễn tỉ lệ của các phần trong tổng thể ta dùng biểu đồ nào sau đây:

- A. Biểu đồ cột kép
- B. Biểu đồ đoạn thẳng
- C. Biểu đồ quạt tròn
- D. Biểu đồ tranh

Câu 26: Muốn so sánh lượng mưa tại Hà Nội và TP.HCM trong các tháng năm 2022 ta nên dùng biểu đồ nào?

- A. Biểu đồ cột kép
- B. Biểu đồ đoạn thẳng
- C. Biểu đồ quạt tròn
- D. Biểu đồ tranh

Câu 27: Cho tam giác ABC cân tại A. Gọi D, E lần lượt là trung điểm của các cạnh AB, AC. Tứ giác BDEC là hình gì?

- A. Hình thang
- B. Hình thang vuông
- C. Hình thang cân
- D. Cả A, B, C đều sai

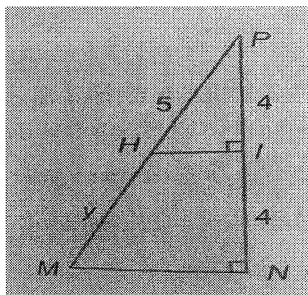
Câu 28: Cho tam giác ABC có chu vi là 20cm. gọi H, I, K lần lượt là trung điểm của AB, AC, BC. Chu vi tam giác HIK là:

- A. 40 cm
- B. 10 cm
- C. 15 cm
- D. 30 cm

Câu 29: Chọn khẳng định đúng:

- A. Tứ giác nào cũng có ít nhất 1 góc tù.
- B. Nếu tứ giác có 3 góc nhọn thì góc còn lại là góc tù.
- C. Tứ giác nào cũng là tứ giác lồi.
- D. Một tứ giác bất kì có 3 đường chéo.

Câu 30: Độ dài y trong hình vẽ trên là:



A. 4

B. 5

C. 6

D. 10

Câu 31 : cho tam giác ABC có BC = 12 cm. E và F lần lượt là trung điểm của AB, AC. Khi đó EF = ?

A. 4 cm

B. 5 cm

C. 6 cm

D. 10 cm

Câu 32: Khai triển hằng đẳng thức $(x + 2y)^2$ ta được:

A. $x^2 + 4xy + 2y^2$

B. $x^2 + 4xy + 4y^2$

C. $x^2 - 4xy + 4y^2$

D. $x^2 + 4xy - y^2$

Câu 33: Khai triển $4x^2 - 25y^2$ theo hằng đẳng thức ta được:

A. $(4x - 5y)(4x + 5y)$

B. $(4x - 25y)(4x + 25y)$

C. $(2x - 5y)(2x + 5y)$

D. $(2x - 5y)^2$

Câu 34: cho tam giác ABC có AD là tia phân giác của góc BAC. Biết AB = 3cm, DB = 4cm,

CD = 6 cm. Độ dài AC là:

A. 4 cm

B. 5 cm

C. 6 cm

D. 4,5 cm

Câu 35: cho tam giác ABC đều có cạnh là 3cm, M và N lần lượt là trung điểm của AB và AC. Chu vi tứ giác MNCB là:

A. 8 cm

B. 7,5 cm

C. 6 cm

D. 7 cm

Câu 36: Cho tam giác ABC có AB = 6cm, AC = 8cm, BC = 10cm. H, I, K lần lượt là trung điểm của AB, BC, AC. Chu vi tứ giác AHIK bằng:

A. 14 cm

B. 24 cm

C. 7 cm

D. 12 cm

Câu 37: Cho tam giác ABC cân tại A có AB = 15 cm, BC = 10 cm, đường phân giác của góc B cắt AC tại D. AD = ?.

A. 3 cm

B. 9 cm

C. 6 cm

D. 12 cm

Câu 38: Hãy chọn câu sai. Hình chữ nhật có:

A. Bốn góc

B. Hai đường chéo cắt nhau tại trung điểm mỗi đường

C. Các cạnh đối bằng nhau

D. Hai đường chéo vuông góc với nhau

Câu 39: Hình vuông là tứ giác có:

A. Có bốn cạnh bằng nhau

B. Có bốn góc bằng nhau

C. Có 4 góc vuông và bốn cạnh bằng nhau D. Cả A, B, C đều sai

Câu 40: Độ dài đường trung tuyến ứng với cạnh huyền của tam giác vuông biết độ dài cạnh huyền là 26 cm

A. 52 cm

B. 6cm

C. 13cm

D. 10cm

PHẦN II. TỰ LUẬN

A. ĐẠI SỐ

Bài 1 Thực hiện các phép tính sau

a) $(2xy + 3)(x - 2y)$; b) $(xy + 2y)(x^2y - 2xy + 4)$; c) $(x^8y^8 + 2x^5y^5 + 7x^3y^3) : (-x^2y^2)$

Bài 2 Tính tổng $A + B$ và hiệu $A - B$ của hai đa thức A, B trong các trường hợp sau:

a) $A = 2x^2y - x^3 - xy^2 + 1$ và $B = x^3 + 2xy^2 - 2$.

b) $A = x^2 - 2yz + z^2$ và $B = 3yz + 5x^2 - z^2$.

c) $A = \frac{1}{2}x^2y + xy^3 - \frac{5}{2}x^3y^2 + x^3$ và $B = \frac{7}{2}x^3y^2 - \frac{1}{2}x^2y + xy^3$.

Bài 3: Cho biểu thức $P = x(x^2 - y) - x^2(x + y) + xy(x - 2)$.

a) Rút gọn biểu thức P.

b) Tính giá trị của P khi $x = 2, y = -3$.

Bài 4: Tính giá trị của biểu thức

a) $\frac{2}{3}x^2y + 3x^2y + x^2y$ tại $x = 3, y = -\frac{1}{7}$;

b) $\frac{1}{2}xy^2 + \frac{1}{3}xy^2 + \frac{1}{6}xy^2$ tại $x = \frac{3}{4}, y = -\frac{1}{2}$;

c) $2x^3y^3 + 10x^3y^3 - 20x^3y^3$ tại $x = 1, y = -1$.

Bài 5. Xác định đơn thức M để

a) $2x^4y^4 + 3M = 3x^4y^4 - 2x^4y^4$;

b) $x^2 - 2M = 3x^2$.

c) $3x^2y^3 + M = -x^2y^3$;

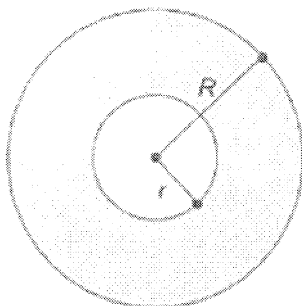
d) $7x^2y^2 - M = 3x^2y^2$.

Bài 6: Tìm đa thức M biết:

a) $(6x^2 - 3xy^2) + M = x^2 + y^2 - 2xy^2$;

b) $M - (2xy - 4y^2) = 5xy + x^2 - 7y^2$.

Bài 7: Từ một miếng bìa có dạng hình tròn với bán kính R (cm), người ta khoét một hình tròn ở giữa có bán kính r (cm), $r < R$.

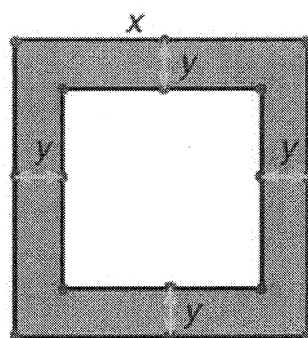


- a) Viết công thức tính diện tích phần còn lại của miếng bìa.
- b) Tính diện tích phần còn lại của miếng bìa biết tổng hai bán kính là 10 cm và hiệu hai bán kính là 3 cm.

Bài 8: Bác Tùng gửi vào ngân hàng 300 triệu đồng theo thể thức lãi kép theo định kì với lãi suất không đổi x mỗi năm (tức là nếu đến kì hạn người gửi không rút lãi ra thì tiền lãi được tính vào vốn của kì kế tiếp). Biểu thức $S = 200(1 + x)^3$ (triệu đồng) là số tiền bác Tùng nhận được sau 3 năm.

- a) Tính số tiền bác Tùng nhận được sau 3 năm khi lãi suất $x = 5,5\%$.
- b) Khai triển S thành đa thức theo x và xác định bậc của đa thức.

Bài 9: Một mảnh vườn hình vuông có độ dài cạnh bằng x (mét). Người ta làm đường đi xung quanh mảnh vườn, có độ rộng như nhau và bằng y (mét) (H.2.2).



Hình 2.2

- a) Viết biểu thức tính diện tích S của đường bao quanh mảnh vườn theo x và y .
- b) Phân tích S thành nhân tử rồi tính S khi $x = 102$ m, $y = 2$ m.

Bài 10: Khai triển:

a) $(3x+1)^2$ b) $(2a-3b)^2$ c) $\left(\frac{1}{2}+x\right)^3$ d) $(3x-2y)^3$ e) x^6+y^6

Bài 11: Tính nhanh giá trị các biểu thức:

a) x^3-3x^2+3x-1 tại $x=101$.
b) $x^2+8xy+16y^2$ tại $x=2; y=\frac{1}{4}$.
c) $(2x-y)(4x^2+2xy+y^2)$ tại $x=-1, y=2$.

Bài 12: Chứng minh rằng giá trị các biểu thức sau không phụ thuộc vào giá trị của biến.

a) $(x+1)^3-(x-1)^3-6x^2$
b) $(x-2)(x^2+2x+4)-(x-2)(x^2-2x+4)$
c) $(x-2y)(x+2y)-x^2+4y^2$

Bài 13: Chứng minh đẳng thức:

a) $(x-1)(x^2+x+1)=x^3-1$ b) $(2x+3)^2+(2x-3)^2-(2x+3)(2x-3)=27+4x^2$
c) $(x+y)^2-(x-y)^2=4xy$ d) $(a-b)^2=(a+b)^2-4ab$; e) $(x+y)^2+(x-y)^2=2(x^2+y^2)$.
f) $(a^2-1)^2+4a^2=(a^2+1)^2$ g) $(x-y)^2+(x+y)^2+2(x^2-y^2)=4x^2$.

Bài 14: a/ Cho $x+y=12$ và $xy=35$. Tính $(x-y)^2$.

b/ Cho $x-y=8$ và $xy=20$. Tính $(x+y)^2$.

c/ Cho $x+y=5$ và $xy=6$. Tính x^3+y^3 .

d/ Cho $x-y=3$ và $xy=40$. Tính x^3-y^3 .

Bài 15: Phân tích các đa thức sau thành nhân tử

a) $3x^2+6xy$ b) $6x^2-24x$ c) $8x^3-27y^3$ d) $4x^2-12xy+9y^2$ e) $xy+y^2-5x-5y$
f) x^2+x-y^2+y g) $5x^3+10x^2+5x$ h) $x^2+2xy-8x-16y$ i) $x^2-6x+9-y^2$
j) $x^2-4xy+4y^2+xz-2yz$ k) $x^2-4xy+4y^2-25$ l) $x^3+y^3+4x+4y$
m) $x^2y-2xy^2+y^3-4y$ n) $a^2-2ab-4t^2+b^2$ o) $2x^3-8x^2-24x+54$

p) $x^2 - 9 + 2xy + y^2$ q) $x^2y + x^2 + 2xy - 4$ r) $x^2 + 8xy + 16y^2 - 4z^2$
s) $x^2 + 2xy + y^2 - 8x - 8y$ t) $x^2 - 3x + 2$ u) $x^2 + 7x + 6$ w) $x^3 - 3x^2y + 3xy^2 - y^3 + x^2 - y^2$

Bài 16: Tìm x

a) $x^2 - 7x = 0$ b) $4x^2 - 25 = 0$ c) $x^3 - 81x = 0$ d) $2(x+5) - x^2 - 5x = 0$
e) $(x+2)^2 - (x-2)(x+2) = 0$ f) $3x(x-7) - x + 7 = 0$ g) $(x-2)^2 - 4x + 8 = 0$
h) $x^2 + 2x + 1 = 0$ i) $x^3 - 3x^2 + 3x - 1 = 0$ k) $8x^4 + 12x^2 + 6x + x = 0$

Bài 17: Bảng thống kê sau cho biết số lượng di sản thế giới của 5 quốc gia đứng đầu tính đến tháng 8 năm 2021:

Quốc gia	Ý	Trung Quốc	Đức	Tây Ban Nha	Pháp
Số di sản thế giới	58	56	51	49	49

- a) Quốc gia nào có số di sản thế giới nhiều nhất, thấp nhất?
b) Vẽ biểu đồ biểu diễn số di sản của mỗi quốc gia.

Bài 18: Bảng thống kê sau cho biết tỉ lệ đóng góp vào GDP toàn cầu của Việt Nam trong một số năm:

Năm	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018
Tỉ lệ (%)	0,16	0,18	0,19	0,2	0,23	0,24	0,24	0,25

- a) Chọn biểu đồ phù hợp để biểu diễn bảng thống kê này.
b) Cho biết xu thế về tỉ lệ đóng góp của Việt Nam vào GDP toàn cầu.

Bài 19: Cho biểu đồ biểu diễn lượng khí thải CO_2 của Việt Nam:

- a) Lập bảng thống kê cho dữ liệu biểu diễn trên biểu đồ.
b) Cho biết xu thế của lượng khí thải CO_2 của Việt Nam trong giai đoạn này. Năm 2019 lượng khí thải CO_2 của Việt Nam tăng bao nhiêu lần so với năm 1990.
c) Nguồn sinh khí thải CO_2 tại Việt Nam năm 2019 được cho trong biểu đồ trong hình sau:

Hãy tính lượng CO_2 sinh bởi mỗi nguồn.

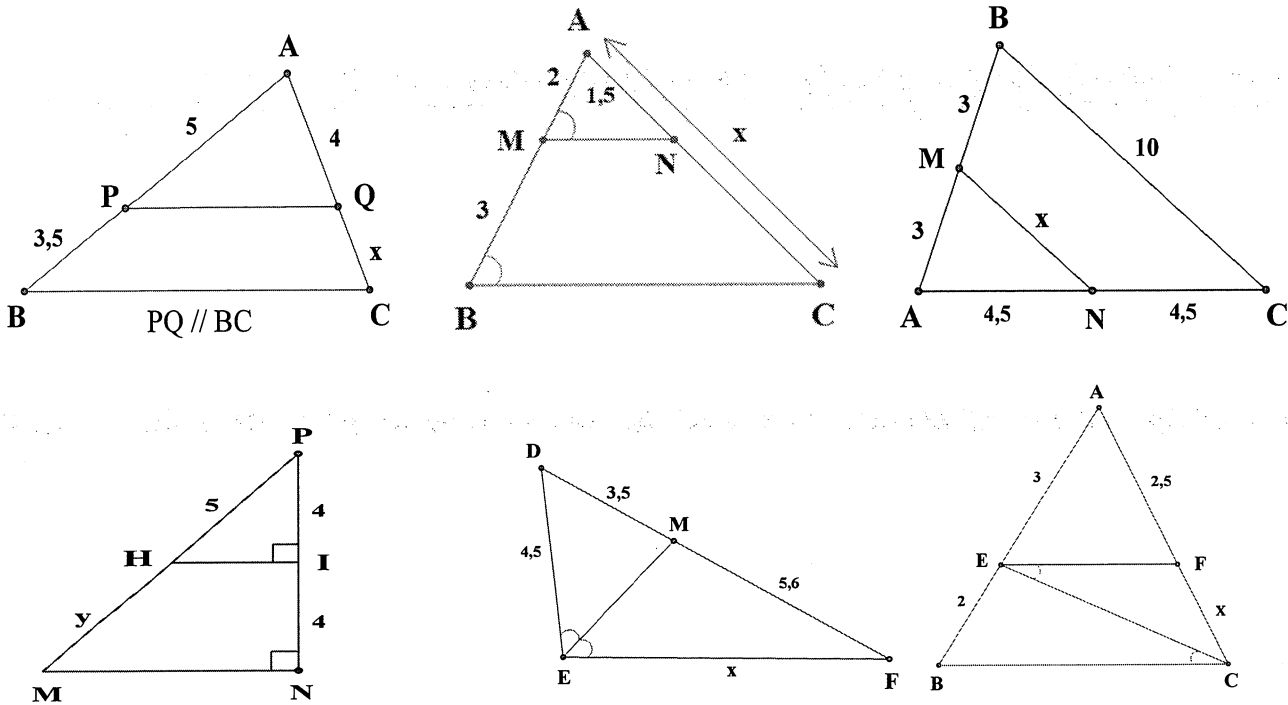
Bài 20: Cho biểu đồ sau:

- a) Lập bảng thống kê biểu diễn số liệu được biểu diễn trên biểu đồ.

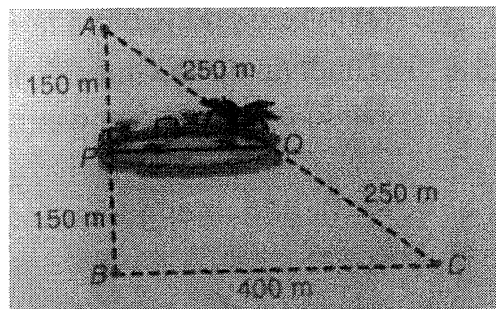
- b) Nhận xét về xu thế của doanh thu từ đồ uống có cồn trên toàn cầu trước năm 2020.
 Tại sao doanh thu năm 2020 sụt giảm mạnh.
- c) Tỷ lệ doanh thu đồ uống có cồn theo loại được cho trong biểu đồ hình 5.11.
 Tính doanh thu mỗi loại trong năm 2021.

B. HÌNH HỌC

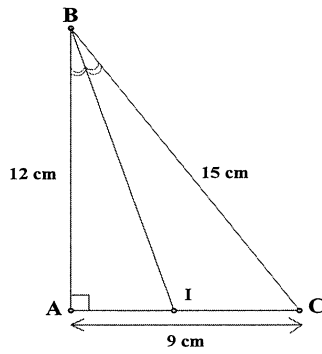
Bài 1: Tìm độ dài x trong các hình sau:



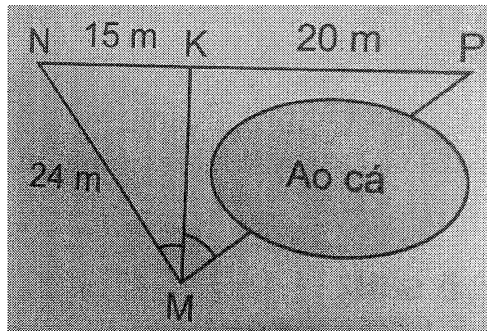
Bài 2: Bác An muốn tính khoảng cách giữa 2 vị trí P, Q ở hai bên bờ ao cá. Em hãy giúp bác An tính khoảng cách trên.



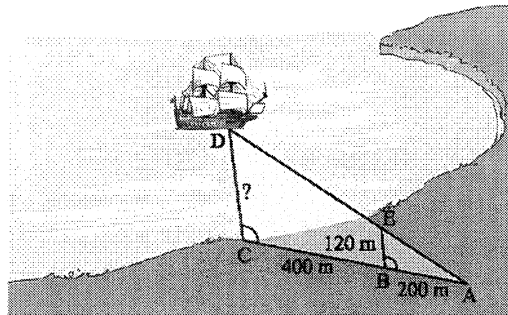
Bài 3: Cho tam giác ABC vuông tại A có $AB = 12$ cm, $AC = 9$ cm, $BC = 15$ cm. Tia phân giác góc B cắt AC tại I. Tính AI, IC.



Bài 4: Quan sát hình dưới đây . Tính khoảng cách MP



Bài 5: Khoảng cách CD từ con tàu đến trạm quan trắc đặt tại điểm C là:



Bài 6: Cho tam giác ABC vuông tại A. Gọi M là trung điểm của BC còn P, N lần lượt là chân đường vuông góc hạ từ M xuống CA, AB.

- Tính AM biết $BC = 12\text{cm}$.
- Chứng minh tứ giác APMN là một hình chữ nhật.
- Lấy điểm Q sao cho P là trung điểm của MQ, chứng minh là tứ giác AMCQ là hình thoi.

Bài 7: Tứ giác ABCD có 2 đường chéo vuông góc với nhau. Gọi E, F, G, H theo thứ tự là trung điểm của các cạnh AB, BC, CD, DA. Tứ giác EFGH là hình gì? Vì sao?

Bài 8: Tứ giác ABCD có E, F, G, H theo thứ tự là trung điểm của các cạnh AB, BC, CD, DA. Tứ giác EFGH là hình gì? Vì sao?

Bài 9: Tam giác ABC có AB = 15cm, AC = 20 cm, BC = 25 cm. đường phân giác của góc BAC cắt cạnh BC tại D.

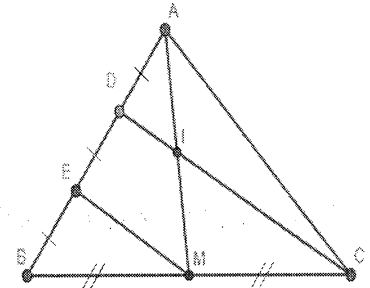
- Tính DC và DC.
- Tính tỉ số diện tích của hai tam giác ABD và ACD

Bài 10: Cho hình thang ABCD (AB//DC). Một đường thẳng song song với hai đáy cắt các đoạn thẳng AD, AC, BC theo thứ tự tại M, I, N. Chứng minh rằng:

$$a) \frac{AM}{MD} = \frac{BN}{NC} \qquad b) \frac{AM}{AD} + \frac{CN}{CB} = 1$$

Bài 11: Cho tam giác ABC, có AM là trung tuyến ứng với BC. Trên cạnh AB lấy điểm D và E sao cho AD = DE = EB. Đoạn CD cắt AM tại I. Chứng minh:

- EM song song với DC;
- I là trung điểm AM;
- DC = 4DI.



Bài 12: Cho tam giác ABC có AD, BE, CF lần lượt là đường phân giác của góc A, góc B, góc C

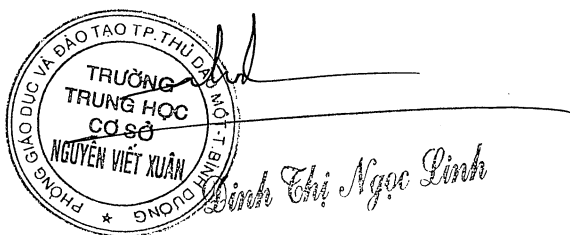
(D ∈ BC, E ∈ AC, F ∈ AB). Chứng minh $\frac{AE}{EC} \cdot \frac{CD}{DB} \cdot \frac{BF}{FA} = 1$.

----- HẾT -----

(Chúc các em có một kỳ thi HKI đạt kết quả cao)

DUYỆT CỦA BAN GIÁM HIỆU

PHH



Đinh Thị Ngọc Linh

TỔ TRƯỞNG

Trương Công Quốc Khoa

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI HKI, MÔN NGŨ VĂN 8
NĂM HỌC 2023-2024
(Tài liệu tham khảo)

I. VĂN BẢN

1. Thơ sáu chữ, bảy chữ

a. Khái niệm:

- Thơ sáu chữ là thể thơ mỗi dòng có sáu chữ.
- Thơ bảy chữ là thể thơ mỗi dòng có bảy chữ.
- Mỗi bài gồm nhiều khổ, mỗi khổ thường có bốn dòng thơ và có cách gieo vần, ngắt nhịp đa dạng.

b. Vần

Bên cạnh cách phân loại vần chân, vần lưng, vần trong thơ còn được phân loại thành vần liền và vần cách (thuộc vần chân). Vần liền là trường hợp tiếng cuối của hai dòng thơ liên tiếp vần với nhau. Vần cách là trường hợp tiếng cuối ở hai dòng thơ cách nhau vần với nhau.

c. Bố cục của bài thơ

Bố cục của bài thơ là sự tổ chức, sắp xếp các phần, các đoạn thơ theo một trình tự nhất định. Việc xác định bố cục giúp người đọc có cái nhìn tổng quát, biết rõ bài thơ có mấy phần, vị trí và ranh giới từng phần trong bài thơ, từ đó có thể xác định được mạch cảm xúc của bài thơ.

d. Mạch cảm xúc của bài thơ

Mạch cảm xúc của bài thơ là sự tiếp nối, sự vận động của cảm xúc trong bài thơ.

e. Cảm hứng chủ đạo

Cảm hứng chủ đạo là trạng thái tình cảm mãnh liệt, thường gắn với tư tưởng và đánh giá nhất định được thể hiện xuyên suốt tác phẩm, tác động đến cảm xúc của người đọc.

g. Vai trò của tưởng tượng trong tiếp nhận văn học

Khi đọc văn bản, người đọc cần huy động nhận thức, trải nghiệm, sử dụng kết hợp các giác quan để tái hiện trong tâm trí mình hình ảnh con người hay bức tranh đời sống mà nhà văn, nhà thơ đã khắc họa trong văn bản. Nhờ khả năng tưởng tượng, người đọc có thể trải nghiệm cuộc sống được miêu tả, hóa thân vào các nhân vật, từ đó cảm nhận và hiểu văn bản đầy đủ, sâu sắc hơn.

2. Văn bản thông tin giải thích một hiện tượng tự nhiên

- Văn bản thông tin giải thích một hiện tượng tự nhiên được viết để lí giải nguyên nhân xuất hiện và cách thức diễn ra của một hiện tượng tự nhiên. Kiểu văn bản này thường xuất hiện trong các tài liệu khoa học.

a. Cấu trúc của văn bản giải thích một hiện tượng tự nhiên gồm các phần:

- + Phần mở đầu: giới thiệu khái quát về hiện tượng hoặc quá trình xảy ra hiện tượng trong thế giới tự nhiên.
- + Phần nội dung: giải thích nguyên nhân xuất hiện và cách thức diễn ra của hiện tượng tự nhiên.
- + Phần kết thúc: thường trình bày sự việc cuối của hiện tượng tự nhiên hoặc tóm tắt nội dung giải thích.

b. Cách sử dụng ngôn ngữ: thường sử dụng từ ngữ thuộc một chuyên ngành khoa học cụ thể (địa, sinh ...) động từ miêu tả hoạt động hoặc trạng thái (xoay, vỡ...), từ ngữ miêu tả trình tự (bắt đầu, kế tiếp, tiếp theo...)

c. Cách trình bày thông tin theo cấu trúc so sánh và đối chiếu

- Văn bản có cấu trúc so sánh và đối chiếu trình bày điểm giống và khác nhau giữa hai hay nhiều sự vật theo các tiêu chí so sánh cụ thể:

+ So sánh và đối chiếu các đối tượng theo từng tiêu chí.

+ So sánh tổng thể các đối tượng: Người viết lần lượt trình bày biểu hiện của tất cả các tiêu chí ở từng đối tượng.

- Văn bản trình bày thông tin theo cách so sánh và đối chiếu có thể sử dụng một số từ ngữ chỉ sự giống nhau (giống, mỗi, cũng...) và khác nhau (khác với, nhưng, mặt khác...) hoặc sử dụng một số kiểu sơ đồ, bảng biểu để làm rõ thông tin được so sánh, đối chiếu.

** Lưu ý: Có thể trình bày thông tin theo một số kiểu cấu trúc khác như: trật tự thời gian, mức độ quan trọng của thông tin (đối tượng), mối quan hệ nhân quả..*

3. Văn nghị luận

a. Đặc điểm của văn nghị luận:

+ Là loại văn bản có mục đích thuyết phục người đọc, người nghe đồng tình với ý kiến của mình về một vấn đề nào đó.

+ Người viết trình bày ý kiến của mình về một vấn đề, sau đó sử dụng lí lẽ bằng chứng để củng cố ý kiến.

b. Mối quan hệ giữa ý kiến, lí lẽ, bằng chứng.

+ **Ý kiến** là những nhận xét thường mang tính khẳng định hoặc phủ định.

+ **Lí lẽ:** Là cơ sở làm rõ ý kiến quan điểm của người viết, thường tập trung nêu nguyên nhân

+ **Bằng chứng** là những minh chứng làm rõ cho lí lẽ, có thể là nhân vật, sự kiện, số liệu thực tế.

- **Luận đề** là vấn đề chính được nêu ra và bàn luận trong văn nghị luận.

- **Luận điểm** là những ý kiến thể hiện quan điểm của người viết về luận đề.

- **Bằng chứng khách quan và ý kiến đánh giá chủ quan của người viết**

+ Bằng chứng khách quan là những thông tin khách quan có thể kiểm chứng trong thực tế.

+ Ý kiến đánh giá chủ quan là những nhận định, suy nghĩ, phán đoán theo góc nhìn chủ quan của người viết, thường ít có cơ sở kiểm chứng. Do vậy để giảm tính chủ quan trong đánh giá, giúp ý kiến trở nên đáng tin cậy, người viết cần đưa ra các bằng chứng khách quan.

4. Truyện cười:

a. Truyện cười là thể loại tự sự dân gian chứa đựng yếu tố gây cười, nhằm mục đích giải trí, hoặc phê phán, châm biếm, đã kích những thói hư, tật xấu trong cuộc sống. Truyện cười là một trong những biểu hiện sinh động cho tính lạc quan, trí thông minh, sắc sảo của tác giả dân gian.

b. Cốt truyện: Thường xoay quanh những tình huống, hành động có tác dụng gây cười. Cốt truyện thường có sự việc bất ngờ, đầy mâu thuẫn đến đỉnh điểm, lật tẩy sự thật, từ đó tạo tiếng cười.

c. Bối cảnh: Thường không được miêu tả cụ thể, tỉ mỉ, có thể là bối cảnh không xác định, cũng có thể là bối cảnh gần gũi, thân thuộc thể hiện đặc điểm thiên nhiên, văn hóa, phong tục gắn với từng truyện.

d. Nhân vật

Nhân vật thường có hai loại:

- Loại thứ nhất: thường là những nhân vật mang thói xấu phổ biến trong xã hội như: lười biếng, tham ăn, keo kiệt... hoặc mang thói xấu gắn với bản chất của một tầng lớp xã hội cụ thể. Đây chính là những đối tượng mà tiếng cười hướng đến. Bằng các thủ pháp trào phúng, tác giả dân gian biến các kiểu nhân vật này thành những bức chân dung hài hước, lạ đời, tạo tiếng cười vừa mang ý nghĩa xã hội vừa có giá trị thẩm mỹ.

- Loại thứ hai: Thường là những nhân vật tích cực, dùng trí thông minh, sự sắc sảo, khôn ngoan để vạch trần, chế giễu, đả kích, những hiện tượng và những con người xấu xa của xã hội phong kiến hoặc dùng khiếu hài hước để thể hiện niềm vui trong cuộc sống, tinh thần lạc quan trước sự trù phú của môi trường thiên nhiên hay những thách thức do chính môi trường sống mang lại.

e. Ngôn ngữ

- Thường ngắn gọn, súc tích, hài hước mang nhiều nét nghĩa hàm ẩn,...

f. Các thủ pháp gây cười:

- Các thủ pháp gây cười khá đa dạng, linh hoạt. Một số thủ pháp thường gặp:

1. Tạo tình huống trào phúng bằng một tổng hai cách sau hoặc kết hợp cả hai cách:

a. Tô đậm mâu thuẫn giữa bên trong và bên ngoài, giữa sự thật và giả, giữa lời nói và hành động...

b. Kết hợp khéo léo lời người kể chuyện và lời nhân vật hoặc lời của các nhân vật, tạo nên những liên tưởng, đối sánh bất ngờ, hài hước, thú vị.

2. Sử dụng các biện pháp tu từ giàu hình ảnh trào phúng (lối khoa trương, phóng đại, chơi chữ,...)

5. Hài kịch

a. Hài kịch là thể loại dùng biện pháp gây cười để chế giễu các tính cách và hành động xấu xa, lỗi bịch, lỗi thời của con người.

b. Đặc điểm của hài kịch

- **Nhân vật của hài kịch:** là đối tượng của tiếng cười, gồm những hạng người hiện thân cho thói hư, tật xấu hay sự thấp kém. Tính cách của nhân vật được thể hiện qua những biến cố dẫn đến sự phơi bày phê phán cái xấu.

- **Hành động trong hài kịch:** là toàn bộ hành động của các nhân vật (lời thoại, điệu bộ, cử chỉ) tạo nên nội dung của tác phẩm. Hành động thể hiện qua lời thoại dưới các dạng khác nhau. Các hành động đều dẫn đến xung đột và giải quyết xung đột từ đó thể hiện chủ đề.

- **Xung đột kịch:** nảy sinh dựa trên sự đối lập, mâu thuẫn tạo nên tác động qua lại giữa các nhân vật hay các thế lực. Xung đột thường diễn ra giữa cái thấp kém với cái thấp kém.

- **Lời thoại:** là lời của các nhân vật nói với nhau (đối thoại) nói với bản thân (độc thoại) hay nói với khán giả (bàng thoại). Lời thoại góp phần thúc đẩy xung đột hài kịch phát triển.

- **Lời chỉ dẫn sân khấu:** là những chú thích ngắn gọn của tác giả biên kịch nhằm hướng dẫn gợi ý về cách bài trí, xử lý âm thanh, ánh sáng, việc ra vào sân khấu của diễn viên cùng trang phục, hành động, cử chỉ của họ...

- **Thủ pháp trào phúng:** các thủ pháp thường sử dụng như phóng đại tính phi logic, không hợp tình thế trong hành động của nhân vật, thủ pháp tăng tiến, giấu nhạt, mỉa mai, nói nói hóm hỉnh, chơi chữ nói nói nghịch lý....

II. PHẦN TIẾNG VIỆT

1. Từ tượng hình và từ tượng thanh

a. Khái niệm:

- Từ tượng hình là từ gợi tả hình ảnh, dáng vẻ của sự vật, chẳng hạn: *gập ghềnh, khăng khieu, lom khom...*

- Từ tượng thanh là từ mô phỏng âm thanh trong thực tế, chẳng hạn: *khúc khích, róc rách, tích tắc...*

b. Tác dụng:

- Từ tượng hình và từ tượng thanh mang giá trị biểu cảm cao; có tác dụng gợi tả hình ảnh, dáng vẻ, âm thanh một cách sinh động và cụ thể; thường được sử dụng trong các sáng tác văn chương và lời ăn tiếng nói hằng ngày.

2. Đoạn văn diễn dịch, quy nạp, song song, phối hợp.

a. Khái niệm đoạn văn:

- Đoạn văn là đơn vị tạo nên văn bản, thường do nhiều câu tạo thành, bắt đầu từ chữ viết hoa lùi vào đầu dòng, kết thúc bằng dấu ngắt đoạn. Câu chủ đề trong đoạn văn mang nội dung khái quát, thường đứng đầu hoặc cuối đoạn.

b. Cách trình bày đoạn văn:

- Đoạn văn diễn dịch: là đoạn văn có câu chủ đề mang ý khái quát đứng đầu đoạn; các câu còn lại triển khai cụ thể ý của câu chủ đề, bổ sung, làm rõ cho câu chủ đề.

- Đoạn văn quy nạp: là đoạn văn được trình bày đi từ các ý nhỏ đến ý lớn, từ các ý chi tiết đến ý khái quát. Theo cách trình bày này, câu chủ đề nằm ở vị trí cuối đoạn.

- Đoạn văn song song là đoạn văn mà các câu triển khai nội dung song song nhau. Mỗi câu trong đoạn văn nêu một khía cạnh của chủ đề đoạn văn, làm rõ cho nội dung đoạn văn.

- Đoạn văn phối hợp: là đoạn văn có câu chủ đề ở đầu đoạn và cuối đoạn.

3. Từ Hán Việt

a. **Yếu tố Hán Việt:** các tiếng tạo nên từ Hán Việt gọi là yếu tố Hán Việt.

b. **Từ Hán Việt:** là từ vay mượn của tiếng Hán nhưng được đọc theo cách phát âm của Tiếng Việt. Ví dụ: vô tình, hữu duyên, bằng hữu . . .

4. Nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn của câu

a. **Nghĩa tường minh** là phần thông báo được thể hiện trực tiếp bằng từ ngữ trong câu, là loại nghĩa chúng ta có thể nhận ra trên bề mặt câu chữ.

b. **Nghĩa hàm ẩn** là phần thông báo không được thể hiện trực tiếp bằng từ ngữ trong câu mà được suy ra từ câu chữ và ngữ cảnh. Đây là loại nghĩa mà người nói, người viết thật sự muốn đề cập.

- Nghĩa hàm ẩn thường được sử dụng trong sáng tác văn chương và trong đời sống hằng ngày.

Ví dụ: Có công mài sắt có ngày nên kim. (tục ngữ)

Nghĩa tường minh: nếu bỏ công sức ra mài một thanh sắt thì có ngày sẽ có được một cây kim.

Nghĩa hàm ẩn: nếu kiên trì, nỗ lực vượt qua khó khăn, thử thách thì có ngày sẽ thành công.

c. Từ toàn dân và từ ngữ địa phương:

- **Từ ngữ toàn dân** là từ ngữ được toàn dân biết, chấp nhận và sử dụng rộng rãi trong giao tiếp.

- **Từ ngữ địa phương** là từ chỉ được sử dụng ở một số địa phương nhất định.

- Trong các tác phẩm văn chương, điện ảnh, từ ngữ địa phương được dùng như một phương tiện tu từ với mục đích tô đậm màu sắc địa phương và làm cho nhân vật trở nên chân thực, sinh động hơn.

Ví dụ: Bắp – Ngô, Má – Mẹ . . .

5. Đặc điểm và chức năng của trợ từ, thán từ:

a. Trợ từ

- Trợ từ là những từ chuyên dùng để nhấn mạnh hoặc biểu thị thái độ đánh giá của người nói với người nghe hoặc với sự việc được nói đến trong câu. Ví dụ: những, có, chính, đích, ngay, nhỉ, nhé, nha, nghen . . .

- Trợ từ không có vị trí cố định trong câu. Có thể chia thành hai loại trợ từ:

* Trợ từ nhấn mạnh (những, có, chính, mỗi, ngay, . . .): thường đứng trước các từ ngữ cần được nhấn mạnh.

Ví dụ: Má đưa cho tôi **những** mười tờ một trăm, bảo mua ngay một chồng vở mới.

“Những” trong câu trên là trợ từ, có chức năng nhấn mạnh mức độ về lượng nhiều hơn mức cần có hay mong đợi.

*Trợ từ tình thái (tiểu từ tình thái) (à, ạ, nhỉ, nhé, nha, nghen, đấy, này . . .): thường đứng ở đầu và cuối câu, có tác dụng tạo kiểu câu nghi vấn, cầu khiến, câu cảm thán hoặc thể hiện thái độ đánh giá, tình cảm của người nói.

Ví dụ: Bác này lí luận hay **nhỉ**?

“Nhỉ” trong câu trên là trợ từ tình thái, biểu thị ý mỉa mai, đứng ở cuối câu cảm thán.

b. Thán từ:

- Thán từ là những từ dùng để bộc lộ tình cảm, cảm xúc của người nói hoặc dùng để gọi đáp. Có thể chia thành hai loại thán từ:

*Thán từ bộc lộ tình cảm, cảm xúc (a, á, ô, ôi, ối, chà . . .): dùng để bộc lộ các trạng thái tình cảm, cảm xúc (vui mừng, ngạc nhiên, đau đớn, sợ hãi . . .)

Ví dụ: Nó cứ làm in như nó trách tôi; nó kêu ư ử, nhìn tôi, như muốn bảo tôi rằng: “**A!** Lão già tệ lắm! Tôi ăn ở với lão như thế mà lão xử với tôi như thế à?”

*Thán từ gọi đáp: (ơi, dạ, vâng, ừ, . . .)

Ví dụ: - **Dạ**, bẩm đức ông, anh em chúng tôi xin bái tạ ơn người.

Thán từ thường đứng đầu câu và có khả năng tách ra tạo thành một câu đặc biệt. Khi sử dụng thán từ, người nói thường dùng kèm theo ngữ điệu, cử chỉ, nét mặt, . . . tương ứng với tình cảm, cảm xúc mà thán từ biểu thị.

III. PHẦN TẬP LÀM VĂN

* VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI

DÀN Ý CHUNG

Mở bài	Giới thiệu vấn đề nghị luận (thường dùng một câu- câu này mang tính khái quát thông tin của đề bài) Nêu ý kiến đồng tình hay phản đối
Thân bài	1. Giải thích được từ ngữ quan trọng và ý nghĩa của ý kiến cần bàn luận (nếu có) 2. Bàn luận: - Thực trạng - Nguyên nhân.

	- Hậu quả. - Giải pháp.
Kết bài:	- Khẳng định lại vấn đề. - Nêu bài học rút ra từ vấn đề bàn luận

• **DÀN Ý THAM KHẢO.**

Dàn ý nghị luận xã hội về an toàn giao thông

I. Mở bài: Giới thiệu vấn đề nghị luận

II. Thân bài:

1. Nêu vấn đề: An toàn giao thông là gì? Là việc người tham gia giao thông chấp hành đúng luật lệ giao thông nhằm đảm bảo sự an toàn cho bản thân và mọi người.

2. Thực trạng về an toàn giao thông hiện nay

Theo Cục Cảnh sát Giao thông thống kê trong 18 tháng (từ năm 2022 đến hết 6 tháng đầu năm 2023): Cả nước xảy ra 16.229 vụ tai nạn giao thông đường bộ

- Cướp đi sinh mạng gần 9.086 người.

- Làm bị thương 11.235 người

- Cùng nhiều thiệt hại về tài sản khác

3. Nguyên nhân dẫn đến tai nạn giao thông

- Do người tham gia giao thông không chấp hành đúng luật giao thông.

- Những người điều khiển phương tiện giao thông không nắm được luật giao thông.

- Sự thiếu ý thức, thiếu trách nhiệm của người tham gia giao thông như: lạng lách, đua xe, đi xe không đúng tốc độ, không đúng làn đường quy định.

- Học sinh sử dụng phương tiện giao thông không đúng độ tuổi, đi xe phân khối lớn; không đội mũ bảo hiểm khi ngồi sau xe máy cũng như tự đi xe đạp điện.

- Say xỉn khi tham gia giao thông.

- Học sinh đi bộ dàn hàng ba hàng năm nói chuyện không chú ý quan sát xung quanh.

- Những phương tiện giao thông đã quá cũ kĩ không thể tiếp tục tham gia giao thông.

- Do cơ sở hạ tầng yếu kém: giao thông có những ổ voi, ổ gà, đường quá chật,....

- Ý thức của người thực thi công việc đảm bảo an toàn giao thông còn tư lợi, chưa thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ của mình.

4. Hậu quả:

- Nhiều người thiệt mạng, gây ảnh hưởng đến học tập và làm việc.

- Mất mát về tiền của, vật chất của con người.

- Ùn tắc giao thông, mất trật tự xã hội.

5. Giải pháp giảm thiểu tai nạn giao thông

- Đưa ra những biện pháp tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức tham gia giao thông của người tham gia giao thông.

- Đưa ra những chính sách phù hợp nhằm mang tính chất răn đe phòng ngừa những người tham gia giao thông để họ có thể tham gia giao thông an toàn.

- Làm tốt hơn nữa việc kiểm tra chất lượng cũng như khắc phục cơ sở hạ tầng giao thông.

- Nâng cao ý thức trách nhiệm của người thực thi pháp luật nhằm đảm bảo sự răn đe người tham gia giao thông.

III. Kết bài:

- Khẳng định lại vấn đề.

- Nêu cảm nghĩ của cá nhân em về tai nạn giao thông.

Dàn ý nghị luận xã hội về nghiện mạng xã hội

I.Mở bài: Giới thiệu vấn đề nghị luận

II.Thân bài

1.Giải thích

- Mạng xã hội có thể hiểu là một trang web hay nền tảng trực tuyến với rất nhiều dạng thức và tính năng khác nhau, giúp mọi người dễ dàng kết nối từ bất cứ đâu. Giúp mọi người kết nối dễ dàng với nhau không bị ngăn cách bởi khoảng cách địa lý; tra cứu các thông tin cần thiết một cách nhanh chóng . . .

- Mạng xã hội có thể truy cập dễ dàng từ nhiều phương tiện, thiết bị như máy tính, điện thoại,... Ví dụ một số mạng xã hội đang được sử dụng phổ biến ở Việt Nam: Facebook, Youtube, Instagram, Tiktok . . .

- Nghiện mạng xã hội là hiện tượng bạn dành ra quá nhiều thời gian cho các mạng kết nối trực tuyến, ít hoặc không tương tác với thế giới thật bên ngoài.

2.Thực trạng

- Theo thống kê từ Google, tính đến tháng 6 năm 2023, có 79% người dùng internet tại Việt Nam sử dụng mạng xã hội. Thời lượng trung bình một người dành ra trong một ngày để sử dụng mạng xã hội là 2h52p và gần 45% người dùng ở độ tuổi 18 - 34 kiểm tra mạng xã hội của mình ngay khi thức dậy cũng như trước khi ngủ.

- Với nhiều người, mạng xã hội là một thứ không thể thiếu; một thói quen không kiểm soát nổi.

- Quên thời gian, xao lãng ăn uống và ngủ; tức giận, căng thẳng, bồn chồn khi không thể truy cập mạng xã hội; biểu hiện trầm cảm, hay cáu giận và tách biệt với xã hội.

- Nghiện mạng xã hội – một hành vi gây căng thẳng cho cuộc sống của chính nạn nhân và cho cả gia đình, bạn bè, đồng nghiệp – là một căn bệnh tâm lí đang lan tràn trên toàn thế giới.

3. Nguyên nhân

- Do nhu cầu của con người: muốn kết nối với bạn bè, người thân, chia sẻ những khoảnh khắc, kỉ niệm của mình.

- Trên mạng xã hội, người sử dụng thoải mái được bày tỏ ý kiến mà không sợ bị kiểm soát

- Người sử dụng có thể dùng mạng xã hội để che dấu bản thân, sống ảo với nhiều người khác, là một con người khác nên họ thích sử dụng mạng xã hội nhiều hơn

- Mạng xã hội là nơi có nhiều người được nổi tiếng, khiến nhiều người ham muốn được nổi tiếng mà sử dụng nhiều hơn, thường xuyên hơn

4. Tác hại

- Giảm tương tác trực tiếp giữa người với người

- Tăng mong muốn gây chú ý: Mạng xã hội cũng góp phần tăng sự ganh đua, sự cạnh tranh không ngừng nghỉ để tìm kiếm lượt like lượt share sẽ cướp đi đáng kể quỹ thời gian của bạn.

- Xao lãng mục tiêu cá nhân: Quá chú tâm vào mạng xã hội dễ dàng làm người ta quên đi mục tiêu thực sự của cuộc sống.

- Nguy cơ trầm cảm cao.

- Giết chết sự sáng tạo: Quá trình lướt các trang mạng xã hội, có tác động suy giảm hoạt động não bộ tương tự như khi xem tivi trong vô thức. Nếu hôm nay bạn có kế hoạch làm việc thì hãy hạn chế thời gian sử dụng.

- Bạo lực mạng: “Anh hùng bàn phím” là một từ không còn xa lạ trong thời gian gần đây. Người ta cảm thấy thoải mái trên mạng nên họ thường nói những điều mà ngoài đời không dám phát biểu.
- Dễ dàng bị đánh cắp thông tin cá nhân
- Gây mất ngủ: Ánh sáng tỏa ra từ màn hình các thiết bị điện tử sẽ đánh lừa não của bạn, gây rối loạn nhịp sinh học.

5. Giải pháp

- Quản lý thời gian sử dụng hợp lý, tự ý thức được bản thân mình.
- Nhà nước phải đưa ra các chính sách sử dụng phù hợp và quản lý chặt chẽ các trường hợp xấu.
- Gia đình quan tâm đến con em mình hơn nữa.
- Nhà trường tạo những sân chơi, hoạt động thể dục thể thao.
- Chủ động tham gia các phong trào, hoạt động ngoại khóa.

6. Liên hệ bản thân

III. Kết bài:

- Khẳng định lại vấn đề.
- Nêu cảm nghĩ, hành động của bản thân em.

Dàn ý nghị luận xã hội về xả rác

I. Mở bài: Giới thiệu vấn đề “xả rác bừa bãi”

II. Thân bài

1. Nêu vấn đề

- Xả rác hay xả rác bừa bãi là hành động xả rác không đúng nơi quy định, không đúng chỗ, gây nên ô nhiễm môi trường.
- Bất cứ lúc nào có rác là xả, mọi nơi mọi lúc.
- Xả rác theo thói quen, tiện đâu xả đó, không cần biết chỗ mình là ở đâu, thùng rác nằm ở chỗ nào.

2. Thực trạng

- Hành động xả rác bừa bãi ra cầu, cống, đường xá bị ô nhiễm nghiêm trọng
- Những khu du lịch, du khách tiện đâu xả đó, không quan tâm đến địa điểm hay mức độ của nó.
- Ngay cả trên xe buýt, ngay thùng rác cũng không thèm để vào đúng nơi đúng chỗ

3. Nguyên nhân

- Do sự thiếu ý thức của mỗi người trong cuộc sống
- Thùng đựng rác nơi công cộng còn thiếu hoặc đặt ở vị trí không thuận tiện cho việc vứt rác.
- Việc xử lý vi phạm còn nhẹ, chưa thường xuyên.

4. Tác hại

- Hành động này sẽ gây ô nhiễm môi trường, bên cạnh đó còn phát sinh hàng loạt các dịch bệnh nguy hiểm ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe và đời sống con người.
- Xả rác bừa bãi làm mất cảnh quan sinh thái, các khu du lịch hay danh lam thắng cảnh.
- Gây tổn hại tiền của cho nhà nước.
- Tạo ra một thói quen xấu trong đời sống văn minh hiện đại.

5. Giải pháp

- Tuyên truyền giáo dục và nâng cao ý thức người dân trong việc bảo vệ môi trường, giữ gìn vệ sinh công cộng.

- Tổ chức các hoạt động thu gom rác thải, bảo vệ môi trường như: Ngày thứ bảy tình nguyện, ngày chủ nhật xanh, chiến dịch 3R...
- Có biện pháp xử lí nghiêm khắc đối với những trường hợp xả rác bừa bãi.

III. Kết bài:

- Nêu suy nghĩ của bản thân về “xả rác bừa bãi”
- Tuyên truyền và động viên mọi người trong việc bảo vệ môi trường.

IV. ĐỀ THAM KHẢO

Phần I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc ngữ liệu sau và thực hiện các yêu cầu sau:

“Bạn biết chăng, thế gian này có điều kì diệu, đó là không ai có thể là bản sao 100% của ai cả. Bởi thế, bạn là độc nhất, tôi cũng là độc nhất. Chúng ta là những con người độc nhất vô nhị, dù ta đẹp hay xấu, tài năng hay vô dụng, cao hay thấp, mập hay ốm, có năng khiếu ca nhạc hay chỉ biết gào như vịt đực.

Vấn đề không phải là vịt hay thiên nga. Vịt có giá trị của vịt, cũng như thiên nga có giá trị của thiên nga. Vấn đề không phải là hơn hay kém, mà là sự riêng biệt. Và bạn phải biết trân trọng chính bản thân mình. Người khác có thể đóng góp cho xã hội bằng tài kinh doanh hay năng khiếu nghệ thuật, thì bạn cũng có thể đóng góp cho xã hội bằng lòng nhiệt thành và sự lương thiện.

Bạn có thể không thông minh bẩm sinh nhưng bạn luôn chuyên cần và vượt qua bản thân từng ngày một. Bạn có thể không hát hay nhưng bạn không bao giờ là người trễ hẹn. Bạn không là người giỏi thể thao nhưng bạn có nụ cười âm áp. Bạn không có gương mặt xinh đẹp nhưng bạn rất giỏi thắt cà vạt cho ba và nấu ăn rất ngon. Chắc chắn, mỗi một người trong chúng ta đều được sinh ra với những giá trị có sẵn. Và chính bạn hơn ai hết phải biết mình, phải nhận ra những giá trị đó”.

(Bản thân chúng ta là những giá trị có sẵn - Phạm Lữ Ân)

Câu 1. Văn bản trên thuộc thể loại nào?

- A. Văn bản thông tin
- B. Văn bản nghị luận
- C. Tản văn
- D. Truyện ngắn

Câu 2. Luận đề trong văn bản trên là gì ?

- A. Mỗi người sinh ra có một giá trị riêng biệt
- B. Trong cuộc sống có người tài giỏi và có người yếu kém
- C. Giá trị của vịt và thiên nga
- D. Mỗi người phải chuyên cần cố gắng từng ngày

Câu 3. Đoạn văn thứ 3 được triển khai theo cách nào?

- A. Diễn dịch
- B. Quy nạp
- C. Song song
- D. Phối hợp

Câu 4. Nghĩa của thành ngữ “độc nhất vô nhị” là:

- A. tâm địa độc ác là duy nhất
- B. sự khác biệt là độc nhất
- C. sự riêng biệt độc đáo là duy nhất
- D. duy nhất, độc đáo, chỉ có một không có hai

Câu 5. Trong các nhóm từ sau, đâu là nhóm từ Hán Việt?

- A. tài năng, vô dụng, thông minh, vượt qua
- B. tài năng, chuyên cần, vô dụng, bẩm sinh
- C. tài năng, vô dụng, thông minh, âm áp

D. tài năng, vô dụng, thông minh, cà vạt

Câu 6. Điều kì diệu mà tác giả nói tới trong văn bản trên là gì?

A. Không ai có thể là bản sao 100% của ai cả

B. Vịt có giá trị của vịt, cũng như thiên nga có giá trị của thiên nga

C. Bạn có thể không thông minh bẩm sinh nhưng bạn luôn chuyên cần và vượt qua bản thân từng ngày một

D. Bạn không có gương mặt xinh đẹp nhưng bạn rất giỏi tất cả vạt cho ba và nấu ăn rất ngon

Câu 7. Phần in đậm trong văn bản trên sử dụng biện pháp tu từ gì?

A. Ẩn dụ

B. Đảo ngữ

C. Điệp ngữ

D. So sánh

Câu 8. Câu văn “*Bạn có thể không hát hay nhưng bạn không bao giờ là người trẻ hèn.*” có vai trò gì trong đoạn văn?

A. Lí lẽ

B. Dẫn chứng

C. Vừa là lí lẽ vừa là dẫn chứng

D. Luận điểm

Câu 9. Nêu thông điệp mà tác giả muốn gửi đến chúng ta qua văn bản ?

Câu 10. Vấn đề mà văn bản đề cập đến có ý nghĩa như thế nào với em?

Phần II: Viết (4 điểm).

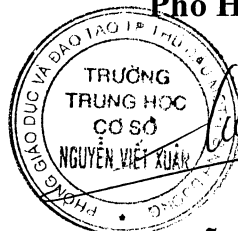
Viết bài văn nêu suy nghĩ của em về hiện tượng nghiện mạng xã hội của giới trẻ hiện nay

-----HẾT-----

Chúc các em ôn bài tốt và kiểm tra đạt kết quả cao!

Kí duyệt của Ban Giám Hiệu

Phó Hiệu Trưởng



Nguyễn Thị Miễn

PTCM

↳

Phạm Thị Cẩm Oanh

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KIỂM TRA HKI MÔN: CÔNG NGHỆ 8
NĂM HỌC: 2023 – 2024

I/ NỘI DUNG ÔN TẬP

*** CHƯƠNG I:**

1. Bài 1: Tiêu chuẩn trình bày bản vẽ kỹ thuật
2. Bài 2: Hình chiếu vuông góc
3. Bài 3: Bản vẽ kỹ thuật

***CHƯƠNG II:**

4. Bài 4: Vật liệu cơ khí
5. Bài 5: Gia công cơ khí
6. Bài 6: Truyền và biến đổi chuyển động
7. Bài 7: Ngành nghề phổ biến trong lĩnh vực cơ khí

*** CHƯƠNG III:**

8. Bài 8: An toàn điện
9. Bài 9: Mạch điện
- 10 Bài 10: Mạch điện điều khiển

II/ MỘT SỐ CÂU HỎI GỢI Ý THAM KHẢO

Câu 1: Kích thước trên bản vẽ kỹ thuật có đơn vị

- A. mm B. dm C. cm D. Tùy từng bản vẽ

Câu 2: Bản vẽ kỹ thuật là

- A. các thông tin kỹ thuật được trình bày dưới dạng đồ họa theo một quy tắc thống nhất
B. các thông tin kỹ thuật được trình bày dưới dạng văn bản theo một quy tắc thống nhất
C. các thông tin kỹ thuật được trình bày dưới dạng đồ họa
D. các thông tin kỹ thuật được trình bày dưới dạng văn bản

Câu 4: Nét gạch chấm mảnh để vẽ các đường nào sau đây?

- A. Đường tâm, trục đối xứng B. Đường gióng
C. Đường kích thước D. Đường bao thấy

Câu 3: Vị trí mặt phẳng hình chiếu đứng như thế nào so với vật thể? (phương pháp chiếu góc thứ nhất)

- A. Trước vật thể B. Trên vật thể C. Sau vật thể D. Dưới vật thể

Câu 4: Theo phương pháp chiếu góc thứ nhất, để thu được hình chiếu đứng ta nhìn từ

- A. Trước vào B. Trên xuống C. Trái sang D. Dưới lên

Câu 5: Mặt đáy của khối lăng trụ tam giác đều là hình gì?

- A. Hình chữ nhật B. Hình tam giác đều C. Hình vuông D. Hình tam giác cân

Câu 6: “Các chi tiết có chức năng..... lắp ghép với nhau tạo thành chiếc máy hay sản phẩm”. Điền vào chỗ trống:



- A. Giống nhau B. Tương tự nhau C. Khác nhau D. Cả 3 đáp án trên

Câu 7: Mối ghép bằng ren là?

- A. Mối ghép tháo được, sử dụng để ghép hai hay nhiều chi tiết có chiều dày không lớn hơn nhau.
B. Mối ghép được sắp xếp xen kẽ, chồng lên nhau thành 1 dải.
C. Mối ghép không tháo được, sử dụng để ghép các chi tiết giống nhau, có kích thước bằng nhau.
D. Đáp án khác.

Câu 8: Tìm hiểu số lượng, vật liệu của một chi tiết trong bản vẽ lắp ở đâu?

- A. Khung tên B. Bảng kê C. Phân tích chi tiết D. Tổng hợp

Câu 9: Đo và vạch dấu là gì?

- A. Là việc thể hiện hình dạng và kích thước thực tế của sản phẩm lên vật liệu cần gia công
B. Là việc đánh dấu độ dài của sản phẩm lên vật liệu cần gia công
C. Là việc thể hiện kích thước ước tính của sản phẩm lên vật liệu cần gia công
D. Tất cả các đáp án trên

Câu 10: Có mấy quy định về an toàn khi cưa?

- A. 2 B. 3 C. 4 D. 5

Câu 11: Khi chọn và lắp êtô cần chú ý điều gì?

- A. Thấp hơn tâm vóc người đứng B. Song song với tâm vóc người đứng
C. Vừa tâm vóc người đứng D. Tất cả đều sai

Câu 12: Cưa và đục là phương pháp gia công thô được sử dụng khi lượng dư gia công

- A. Nhỏ B. Vừa C. Lớn D. Đáp án khác

Câu 13: Đâu không phải dụng cụ đo góc?

- A. Ê ke vuông B. Ê ke góc C. Com-pa D. Thước đo góc vạn năng

Câu 14: Cấu tạo của cơ cấu tay quay - thanh lắc không có bộ phận nào?

- A. Tay quay B. Con trượt C. Thanh truyền D. Giá đỡ

Câu 15: Các máy móc hay thiết bị do mấy bộ phận hợp thành?

- A. 1 B. 2 C. Nhiều D. Đáp án khác

Câu 16: Dây đai được làm bằng

- A. Da thuộc B. Vải dệt nhiều lớp C. Vải dính với cao su D. Cả 3 đáp án trên

Câu 17: Trong các máy móc hay thiết bị, các bộ phận được đặt ở

- A. Cùng vị trí B. Các vị trí khác nhau
C. Cả A và B đều đúng D. Cả A và B đều sai

Câu 18: Các bộ phận trong máy có

- A. Duy nhất một dạng chuyển động B. Có 2 dạng chuyển động
C. Có nhiều dạng chuyển động khác nhau D. Đáp án khác

Câu 19: Đặc điểm của kỹ sư điện là?

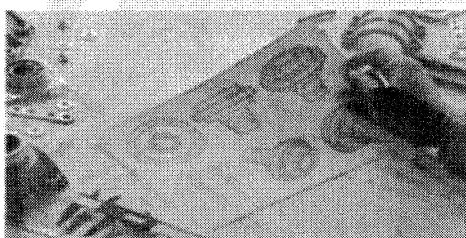
- A. Thực hiện nhiệm vụ thiết kế, tổ chức chế tạo, sửa chữa, bảo trì các loại máy móc, thiết bị cơ khí

- B. Thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ kỹ thuật để thiết kế, chế tạo, lắp ráp, sửa chữa, bảo trì máy móc và thiết bị cơ khí
- C. Thực hiện nhiệm vụ lắp ráp, bảo dưỡng, sửa chữa động cơ và thiết bị cơ khí của các loại xe cơ giới
- D. Tất cả các đáp án trên

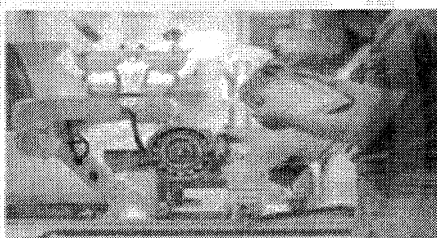
Câu 20: Năng lực chung cần có của người lao động trong lĩnh vực cơ khí là?

- A. Có chuyên môn cơ bản của tất cả các lĩnh vực và kiến thức chuyên sâu lĩnh vực cơ khí
- B. Có chuyên môn phù hợp với nhiệm vụ, điều kiện làm việc theo vị trí làm việc
- C. Có kỹ năng làm việc độc lập, tự chủ
- D. Tất cả các đáp án trên

Câu 21: Đây là hình ảnh thể hiện ngành nghề chế tạo rô bốt trong lĩnh vực cơ khí



a) Thiết kế chi tiết máy



b) Kiểm tra hoạt động của rô bốt



c) Đo mức dầu của động cơ xe máy



d) Kiểm tra tình trạng các bộ phận của động cơ ô tô

- A. a B. b C. c D. d

Câu 22: Cơ khí giúp cho lao động và sinh hoạt của con người

- A. Nhẹ nhàng B. Thú vị C. Nhẹ nhàng và thú vị D. Đáp án khác

Câu 23: Cơ khí có vai trò quan trọng trong

- A. Sản xuất B. Đời sống C. Sản xuất và đời sống D. Đáp án khác

Câu 24: Tai nạn điện thường xảy ra do những nguyên nhân nào?

- A. Do chạm trực tiếp vào vật mang điện B. Sử dụng đồ dùng điện bị rò điện ra vỏ.
C. Sửa chữa điện không cắt nguồn điện D. Cả 3 nguyên nhân trên

Câu 25: Tai nạn điện do chạm trực tiếp vào vật mang điện đó là

- A. Chạm trực tiếp vào dây dẫn điện trần không bọc cách điện hoặc dây dẫn hở cách điện
B. Sử dụng đồng hồ điện bị rò rỉ điện ra vỏ
C. Sửa chữa điện không cắt nguồn điện, không sử dụng dụng cụ bảo vệ, an toàn điện
D. Cả 3 đáp án trên

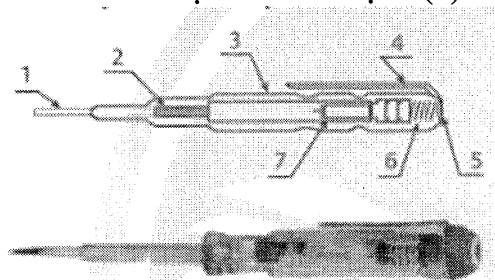
Câu 26: Hãy chọn những hành động đúng về an toàn điện trong những hành động dưới đây?

- A. Chơi đùa và trèo lên cột điện cao áp B. Thả điều gần đường dây điện
C. Không buộc trâu bò vào cột điện cao áp D. Tắm mưa gần đường dây điện cao áp

Câu 27: Đâu không phải biểu hiện của tai nạn điện do tiếp xúc trực tiếp với vật mang điện?

- A. Sửa chữa điện khi chưa ngắt nguồn điện
- B. Kiểm tra các thiết bị điện nhưng không dùng dụng cụ hỗ trợ, bảo vệ
- C. Tiếp xúc với khu vực có dây dẫn có điện bị đứt rơi xuống đất
- D. Chạm vào dây điện trần hoặc dây điện bị hở

Câu 28: Xác định tên của vị trí (2) của bút thử điện



Hình 8.6. Cấu tạo bút thử điện


- A. Thân bút
- B. Điện trở
- C. Đèn báo
- D. Đầu bút

Câu 29: Tên gọi của kí hiệu \sim là

- A. Dòng điện một chiều
- B. Dòng điện xoay chiều
- C. Dây pha
- D. Dây trung tính

Câu 30: Tên gọi của kí hiệu $\overset{\wedge}{\text{---}}$ là

- A. Dòng điện một chiều
- B. Dòng điện xoay chiều
- C. Dây pha
- D. Dây trung tính

Câu 31: Tên gọi của kí hiệu  là

- A. Cầu dao hai cực; ba cực
- B. Công tắc thường (hai cực)
- C. Công tắc ba cực
- D. Mạch điện ba pha

Câu 32: Chức năng của nguồn điện là

- A. Cung cấp năng lượng điện cho toàn mạch điện
- B. Đóng, ngắt nguồn điện; điều khiển hoạt động của tải và bảo vệ an toàn cho mạch điện
- C. Kết nối các bộ phận của mạch điện
- D. Tiêu thụ năng lượng điện từ nguồn điện

Câu 33: Nguồn điện một chiều (DC) không có đặc điểm

- A. Cung cấp điện năng cho mạch điện có tải tiêu thụ điện một chiều (mạch điện một chiều).
- B. Khi mạch điện hoạt động, nguồn điện một chiều tạo ra dòng điện một chiều có giá trị và chiều không thay đổi theo thời gian.
- C. Khi mạch điện hoạt động, nguồn điện một chiều tạo ra dòng điện một chiều có giá trị và chiều thay đổi theo thời gian.
- D. Một số nguồn điện một chiều thông dụng như: nguồn pin, ắc quy, pin năng lượng mặt trời, ...

Câu 34: Mô đun cảm biến là

